**BÀI 5. KHÁT VỌNG CÔNG LÍ**

(Đọc và thực hành Tiếng Việt: 8 tiết;

Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết, Ôn tập: 1 tiết)

**I. MỤC TIÊU** *Học sinh đạt được****:***

**1. Năng lực**

**a. *Năng lực đặc thù***

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật,lời thoại.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học.

- Trình bày được một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ; hiểu và phân tích được đặc điểm tác dụng của điển tích điển cố.

- Viết được một bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó.

- Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích nội dung và cách thức phỏng vấn.

***b. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra.

- Năng lực sáng tạo: Có những lí giải mới mẻ về VB.

**2. Phẩm chất**

- Thấu hiểu và đồng cảm với khát vọng về công lí của con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tri thức ngữ văn

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**PHẦN TRI THỨC ĐỌC HIỂU**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu****:* Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học.

***b. Nội dung****:* Tổ chức trò chơi “ONG TÌM CHỮ”

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | GV tổ chức trò chơi “ONG TÌM CHỮ”  *Luật chơi:*  *- Có 3 từ khóa được ẩn trong ma trận ô chữ.*  *- Mỗi nhóm có thời gian tối đa 3p để tìm ra những từ khóa ấy.*  *- Nhóm tìm ra từ khóa trước tiên sẽ nhận được 1 phần thưởng đặc biệt.*  *Từ những từ khóa vừa tìm dc GV đặt câu hỏi: Em hiểu thế nào là công lí, khát vọng? Những từ khoá ấy khiến em liên tưởng đến (những) điều gì? Em đã từng đọc hay học những VB văn học thể hiện ước mơ của nhân dân về sự công bằng trong cuộc sống, xã hội chưa? Khát vọng, ước mơ ấy thể hiện điều gì ở tâm hồn con người?* | - Từ khóa cần tìm:  + VĂN BẢN VĂN HỌC  + KHÁT VỌNG  + CÔNG LÍ  - Chia sẻ của HS |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi  GV theo dõi, quan sát HS |
| Báo cáo/ Thảo luận | - Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân |
| Kết luận/ nhận định | - GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu****:*

- Kích hoạt kiến thức nền về một số VB văn học đã học.

- Bước đầu nhận biết được đôi nét cơ bản về lịch sử văn học Việt Nam.

- Kích hoạt kiến thức nền về đặc điểm của thể loại truyện.

- Bước đầu nhận biết được một số yếu tố của truyện thơ Nôm.

**b. Nội dung**: GV cho HS làm việc nhóm.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | Hoạt động nhóm 4 thành viên:  (1) Đọc nội dung *Đôi nét về lịch sử văn học Việt Nam* trong SGK, tóm tắt nội dung bằng hình thức sơ đồ phù hợp.  (2) HS đọc SGK mục *Truyện thơ Nôm*, vẽ sơ đồ hoặc kẻ bảng tóm tắt những đặc điểm của thể loại này. | **I. Tri thức đọc hiểu**  **1. Đôi nét về lịch sử văn học Việt Nam** |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS hoạt động nhóm hoàn thành nhiệm vụ.  - GV theo dõi, quan sát HS |
| Báo cáo  Thảo luận | - Nhóm được chỉ định cử đại diện báo cáo 🡪 nhóm khác nhận xét, chỉnh sửa.x |
| Kết luận  Nhận định | - GV nhận xét câu trả lời và chốt kiến thức. |
| Dự kiến sản phẩm    2. Truyện thơ Nôm   |  |  | | --- | --- | | **Khái niệm:** Là thể loại tự sự bằng văn vần (chủ yếu được viết theo thể thơ lục bát) và viết bằng chữ Nôm, ra đời từ thế kỷ XVII, phát triển mạnh vào cuối thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX. Đặc điểm nổi bật của truyện thơ Nôm là sự kết hợp với tự sự và trữ tình. | | | **Phân loại** | - Xét theo thể thơ: chủ yếu viết theo thể thơ lục bát.  Xét về ngôn ngữ và đặc điểm nghệ thuật: TTN bình dân, TTN bác học.  - Xét theo tác giả: TTN khuyết danh, TTN hữu danh. | | **Cốt truyện** | - Thường theo một trong hai mô hình gặp gỡ (hội ngộ) - tai biến (lưu lạc) - đoàn tụ (đoàn viên), ví dụ như Truyện Kiều, Truyện Lục Vân Tiên, … hoặc mô hình nhân - quả (ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ), ví dụ như Quan Âm Thị Kính, Thạch Sanh. | | **Nhân vật** | - Thường chia thành hai tuyến: nhân vật chính diện và nhân vật phản diện. Nhân vật chính thường được xây dựng theo khuôn mẫu như: chàng trai tài giỏi, nghĩa hiệp, cô gái xinh đẹp, nết na,… Trong các truyện thơ Nôm mô phỏng truyện cổ tích thần kỳ còn có những nhân vật kỳ ảo như đồ vật hay loài vật thần kỳ. Đặc điểm, tính cách của nhân vật trong truyện thơ Nôm cũng thường được thể hiện qua hành động, ngôn ngữ, tâm trạng, cảm xúc. | | **Lời thoại** | - Là lời của nhân vật, gồm đối thoại (là lời của nhân vật nói với nhau) và độc thoại (thường là những lời thoại bộc lộ cảm xúc, tâm trạng còn gọi là “độc thoại nội tâm”). | | | |

**ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Văn bản 1:**

**LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

**(Nguyễn Đình Chiểu)**

**I. Mục tiêu**

***1. Về năng lực:***

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật,lời thoại.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

***2. Về phẩm chất:***

- Thấu hiểu và đồng cảm với khát vọng về công lí của con người.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

- Phiếu học tập

**2. Học liệu**

- Video, tài liệu liên quan đến nội dung bài học

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU/ CHUẨN BỊ ĐỌC**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến VB; tạo tâm thế trước khi đọc.

**b. Nội dung**: Hướng dẫn HS chia sẻ ý tưởng, suy nghĩ liên quan đến nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | 1. Em nghĩ gì về những người sẵn sàng giúp người khác trong cơn hoạn nạn?  2. HS đọc khung thông tin về tác giả Nguyễn Đình Chiểutrong SGK và trình bày ít nhất một điều mà em ấn tượng về tác giả này.  3. HS đọc khung tóm tắt về *Truyện* *Lục Vân Tiên* và xác định:  - *Truyện Lục Vân Tiên* thuộc bộ phận nào trong lịch sử văn học Việt Nam?  4. Sắp xếp các sự việc sau theo đúng trật tự:  **1. Lục Vân tiên** là một chàng trai tuấn tú, văn võ song toàn  2. Vân Tiên kết bạn với Tử Trực, Trịnh Hâm và Bùi Kiệm. Trước khi vào trường thi, Vân Tiên hay tin mẹ mất và vội về quê chịu tang. Vì khóc thương mẹ nên chàng bị mù cả hai mắt.  3. Trịnh Hâm đẩy chàng xuống sông và may mắn thay Vân Tiên được con giao long và ngư ông cứu. Chàng trở lại nhà Võ Công nhưng vị hắt hủi và bỏ vào hang sâu. Lúc này chàng được ông Tiều cứu ra và gặp lại người bạn nghĩa hiệp là Hớn Minh.  4. Trên đường từ trên núi học đạo về kinh ứng thi thì Vân Tiên đã đánh bại bọn cướp Phong Lai và cứu được một thiếu nữ đó chính là Kiều Nguyệt Nga. Chàng kết bạn với Hớn Minh.  5. Chàng thi đỗ Trạng Nguyên và dẹp yên giặc Ô Qua. Trên đường chiến thắng trở về chàng gặp lại Kiều Nguyệt Nga và nên duyên vợ chồng.  *5. Vậy theo em, đoạn trích chúng ta học ngày hôm nay sẽ nằm ở sự việc thứ mấy của Truyện Lục Vân Tiên?* | 1. Chia sẻ của HS  2. Tác giả Nguyễn Đình Chiểu  - Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), xuất thân trong gia đình nhà Nho.  - 1843, đỗ tú tài 🡪 1846, ra Huế học 🡪 mẹ mất 🡪 bỏ thi về chịu tang 🡪 bị mù, bị bội ước, cửa nhà sa sút.  - Về Gia Định mở trường dạy học, bốc thuốc, làm thơ.  - Pháp đánh vào Gia Định, ông về Ba Tri và hết lòng với nước, với dân cho đến hơi thở cuối cùng.  🡪 GV nhấn mạnh: NĐC là  - Nhà thơ, nhà giáo, thầy thuốc.  - Một tấm gương sáng cao đẹp về nhân cách, nghị lực và ý chí,  - Con người có lòng yêu nước, thương dân cùng thái độ kiên trung, bất khuất trước kẻ thù.  3. *Truyện Lục Vân Tiên* thuộc bộ phận văn học chữ Nôm.  4. Thứ tự: 1 🡪 4 🡪 2 🡪 3 🡪 5  5. Sự kiện thứ 2 của truyện. |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS hoạt động cá nhân: theo dõi, quan sát, suy nghĩ |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | HS trả lời cá nhân |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, chuyển dẫn vào bài |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng kĩ năng đọc đã học ở lớp trước như *Tưởng tuợng, Suy luận* trong quá trình đọc trực tiếp VB.

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn HS đọc văn bản

**c. Sản phẩm:** Phần đọc câu trả lời của HS cho những câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | 1. Cá nhân HS đọc trực tiếp VB, chú ý các chú thích và trả lời những câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB*:  2. Một HS đọc diễn cảm VB trước lớp. Các HS khác theo dõi và đánh giá phần đọc diễn cảm của bạn. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc văn bản**  **2. Kĩ năng tưởng trượng, suy luận**  1. Thành ngữ “tả đột hữu xông” khắc họa hình ảnh người anh hùng chủ động, linh hoạt trong cuộc chiến.  2. Việc Vân Tiên nói với Nguyệt Nga rằng: *Khoan khoan ngồi đó chớ ra. Nàng là phận gái ta là phận trai*, cho thấy chàng là người giữ đúng chuẩn mực đạo đức, nam nữ thụ thụ bất thân.  3. Hai dòng cuối: *Làm ơn há dễ trông người trả ơn* và đặc biệt là câu nói của Vân Tiên: *Nhớ câu kiến nghĩa bất vi. Làm người thế ấy cũng phi anh hùng*, cho thấy một người anh hùng lí tưởng, thấy việc nghĩa thì tự nguyện làm, và đã làm việc nghĩa thì không cần trả ơn. |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ (1). Sau khi GV nhận xét về nhiệm vụ (1) xong thì thực hiện nhiệm vụ (2). |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | (1) HS trao đổi kết quả trả lời câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB* theo nhóm 2 – 3.  (2) HS đọc diễn cảm. Các HS khác đánh giá kết quả đọc dựa trên bảng kiểm. |
| *Kết luận/ Nhận định* | (1) GV đánh giá kết quả đọc trực tiếp của HS: thái độ của HS với việc đọc, số lượng và chất lượng câu trả lời cho hoạt động *Trải nghiệm cùng VB*, chỉ ra những điểm HS cần rèn luyện thêm ở hoạt động này.  (2) GV nhận xét cách đọc diễn cảm và cách HS đánh giá đồng đẳng ở hoạt động này. |

**Phần III. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật,lời thoại.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Nội dung**:

- GV cho HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm

- HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm trưng bày sản phẩm

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | | Sản phẩm dự kiến | | |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | | 1. Tóm tắt các sự việc được kể trong văn bản “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”.  2. Từ các sự việc trên, hãy xác định bố cục văn bản.  3. Theo em, nhan đề “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” có thể hiện được nội dung bao quát của văn bản không?  4. Nhắc lại những mô hình thường thấy trong cốt truyện của truyện thơ Nôm (Thường theo một trong hai mô hình gặp gỡ (hội ngộ) - tai biến (lưu lạc) - đoàn tụ (đoàn viên), hoặc mô hình nhân - quả (ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ).  Truyện Lục Vân Tiên thuộc mô hình nào? | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Một số yếu tố của truyện thơ Nôm**  **a. Cốt truyện**  - Các sự việc được kể: Vân Tiên tả đột hữu xung, đánh tan bọn cướp Phong Lai 🡪 Nguyệt Nga muốn đền công cứu mạng nhưng bị Vân Tiên từ chối.  - Bố cục VB: 2 phần  + Từ đầu đến “… thác rày thân vong”: Vân Tiên đánh tan bọn cướp Phong Lai.  + “Dẹp rồi lũ kiến chòm ong” đến hết: Nguyệt Nga muốn đền công cứu mạng nhưng bị Vân Tiên từ chối.  - Nhan đề đã thể hiện được nội dung bao quát của VB vì nội dung chính của VB kể về việc Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga. | | |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | | - HS làm việc nhó cá nhân thực hiện nhiệm vụ  - GV theo dõi, hướng dẫn |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | | - Gv gọi HS bất kì trả lời 🡪 HS)khác theo dõi, nhận xét, bổ sung. |
| *Kết luận/ Nhận định* | | GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận. |
| GV chốt:  - Kể về cuộc gặp gỡ giữa Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga:  + Vân Tiên đánh tan bọn cướp Phong Lai cứu Kiều Nguyệt Nga.  + Nguyệt Nga muốn đền công cứu mạng nhưng bị Vân Tiên từ chối.  🡪 Cốt truyện thuộc mô hình: gặp gỡ - tai biến - đoàn tụ của truyện thơ Nôm. | | | | | |
| Tổ chức thực hiện | | | | Sản phẩm dự kiến | |
| Chuyển giao nhiệm vụ | 1. Kể tên những nhân vật xuất hiện trong văn bản? Theo em, nhân vật chính là những ai?  2. GV giao phiếu tìm hiểu nhân vật Lục Vân Tiên, yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 - 6 thành viên (7p).  Hết thời gian, GV gọi nhóm bất kì cử đại diện lên báo cáo sản phẩm. | | | **b. Nhân vật**  **\* Nhân vật Lục Vân Tiên** | |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS hoạt động nhóm thực hiện nhiệm vụ  - GV theo dõi, gợi mở. | | |
| Báo cáo thảo luận | - Nhóm được chỉ định cử đại diện trình bày 🡪 nhóm khác nhận xét, bổ dung | | |
| Kết luận nhận định | Gv nhận xét câu trả lời, chốt kiến thức, bình khắc sâu kiến thức về nhân vật:  - Cán cân cuộc chiến đấu: Không ngang bằng 🡪 Giữa vòng vây của cái ác, dũng khí và tài ba của người anh hùng hiện lên rõ nét.  - Thành ngữ “tả đột hữu xông” khắc họa hình ảnh người anh hùng chủ động, linh hoạt trong cuộc chiến.  - So sánh LVT với người anh hùng Triệu Tử Long 🡪 Nâng cao tầm vóc của LVT, khẳng định tài năng của một con người phi thường, gan dạ.  **🡪 Anh hùng hào hiệp, giàu lòng nhân ái, dám xả thân vì việc nghĩa.** | | |
| Dự kiến sản phẩm   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phiếu tìm hiểu nhân vật Lục Vân Tiên** | | | | **Thời điểm** | **Hành động** | **Lời nói** | | **Khi đánh cướp** | - Dù một mình nhưng vẫn: “Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô”, “tả đột hữu xung” | - “Kêu rằng: “Bớ lũ hung đồ, Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân”. | | **Khi gặp gỡ Kiều Nguyệt Nga** | - Cười từ chối khi nghe Kiều Nguyệt Nga muốn trả ơn. | - Hỏi: “Ai than khóc ở trong xe này”.  - “Khoan khoan ngồi đó chớ ra, Nàng là phận gái ta là phận trai…”  - “Làm ơn há dễ trông người trả ơn…  Nhớ câu kiến ngãi bất vi, Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.” | | **Nhận xét về phẩm chất nhân vật:**  - Anh hùng hào hiệp, giàu lòng nhân ái, dám xả thân vì việc nghĩa.  - Trọng nghĩa khinh tài. | | | | | | | | |
| Tổ chức thực hiện | | | | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | | 1. HS tiếp tục làm việc nhóm 4 – 6 thành viên hoàn thành Phiếu tìm hiểu nhân vật KNN  Hết thời gian GV gọi 2 nhóm trưng bày sản phẩm, bốc nhóm ngẫu nhiên thuyết trình.  2. Nhân vật Vân Tiên và Nguyệt Nga thuộc tuyến nhân vật nào?  3. Qua Lục Vân Tiên và KNN, em có nhận xét gì về nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Đình Chiểu? | | | **\* Nhân vật Kiều Nguyệt Nga** |
| Thực hiện nhiệm vụ | | - Thực hiện nhiệm vụ 1, 2, 3 theo hướng dẫn của GV | | |
| Báo cáo thảo luận | | - GV gọi nhóm (HS) bất kì thuyết trình 🡪 nhóm khác bổ sung, hoàn thiện. | | |
| Kết luận nhận định | | Gv nhận xét câu trả lời, chốt kiến thức, bình giảng về nhân vật: khi kết thúc nhiệm vụ 1  Những chữ quân tử tạm ngồi đối lập với tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa, chút tôi... không chỉ nói lên thái độ mang ơn, chịu ơn mà còn bộc lộ rõ nét sự thùy mị, nết na của người con gái trước ân nghĩa là một đấng nam tử. Nhưng cao đẹp nhất là phẩm chất ân tình được bộc lộ sâu sắc trong nguyện vọng và cách trả ơn của Kiều Nguyệt Nga. Cách trả ơn của Kiều Nguyệt Nga ở đây không chỉ bộc lộ ở tấm lòng chân thành của người mang ơn, mà còn nói lên quan niệm trả ơn của nhân dân ta: không chỉ bằng lời cảm ơn suông, mà còn bằng vật chất cụ thể, bởi chỉ có như vậy mới chứng tỏ được tấm lòng chân thành của mình đối với ân nhân. | | |
| |  |  | | --- | --- | | Dự kiến sản phẩm **Phiếu tìm hiểu nhân vật Kiều Nguyệt Nga** | | | **Phương diện** | **Thể hiện trong văn bản** | | **Xuất thân** | - Con gái quan chi phủ Hà Khê. | | **Lời nói** | - “Thưa rằng… Trước xe quân tử tạm ngồi, Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa”.  - “Cha làm chi phủ ở miền Hà Khê, Sai quân đem bức thư về, Rước tôi qua đó định bề nghi gia. Làm con đâu dám cãi cha, *Ví dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành*”  - Hà Khê qua đó cũng gần, Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng… Gẫm câu báo đức thù công, Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi.” | | **Hành động** | - Lạy tạ ơn nghĩa của Lục Vân Tiên. | | **Nhận xét về phẩm chất nhân vật:**  - Gia giáo, nền nếp, hiếu thảo.  - Ân nghĩa, thủy chung: dù xuất thân tầng lớp trên nhưng rất kính trọng Vân Tiên và mong muốn được đền ơn cứu mạng. | | | | | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | Kĩ thuật mảnh ghép nhóm nhỏ.  Vòng 1. Chuyên gia (5p)  - Nhóm 2 HS bàn chẵn thảo luận trả lời câu hỏi số 5 (SGK)  - Nhóm 2 HS bàn lẻ thảo luận trả lời câu hỏi số 6 (SGK)  Vòng 2. Mảnh ghép (5p)  - Nhóm HS bàn chẵn hợp với HS bàn lẻ cùng nhau trao đổi, chỉnh sửa 🡪 hoàn thiện 2 sản phẩm.  - Hết thời gian, GV gọi 2 nhóm bất kì cử đại diện báo cáo sản phẩm. | **2. Chủ đề, thông điệp văn bản**  **a. Chủ đề**  - Lòng nhân ái, tinh thần xả thân vì việc nghĩa “Làm ơn há dễ trông người trả ơn”.  - Căn cứ xác định: cách miêu tả hành động, lời nói của Lục Vân Tiên cho thấy chàng sẵn sàng một mình đánh dẹp bọn cướp Phong Lai để cứu người hoạn nạn, thẳng thắn từ chối khi được ngỏ ý trả ơn vì với chàng “làm ơn há dễ trông người trả ơn”.  **b. Thông điệp văn bản**  - Thông điệp về lòng nhân ái, khát vọng hành đạo giúp đời đồng thời cũng nói lên quan niệm chịu ơn thì phải trả ơn của tác giả.  - Tinh thần trượng nghĩa ấy đến ngày nay vẫn còn nguyên giá trị vì nó thể hiện tinh thần “Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, vốn là một đạo lí truyền thống lâu đời của dân tộc. |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS làm việc nhóm thực hiện nhiệm vụ theo từng nội dung. |
| Báo cáo thảo luận | - Nhóm (HS) được chỉ định trình bày 🡪 nhóm (HS) khác bổ sung, hoàn thiện. |
| Kết luận nhận định | Gv nhận xét câu trả lời, chốt kiến thức, cho HS xem vi deo chứng minh cho tinh thần nghĩa hiệp. |

**Phần IV. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Khái quát lại được đặc trưng thể loại thể hiện trong văn bản đã học.

**b. Nội dung**:

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm hoàn thành sơ đồ.

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | GV chia lớp thành 5 nhóm vẽ sơ đồ tư duy câm có 5 nhánh chính lên bảng.  Phân công mỗi nhóm HS hoàn thiện 1 nhánh trên giấy A4 (4p).  Hết thời gian, các nhóm đính lên bảng đúng vị trí nhánh nhóm được giao | **III. Tổng kết** |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS làm việc nhóm thực hiện nhiệm vụ |
| Báo cáo thảo luận | - HS lên đính vào nhánh của nhóm được giao |
| Kết luận nhận định | Gv nhận xét câu trả lời, chốt kiến thức, (phần hướng dẫn cách đọc văn bản thực hiện ở VB 2) |
|  | | |

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam, về cuộc đời tác giả Nguyễn Đình Chiểu để đọc hiểu VB.

**b. Nội dung**: Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi số 7

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS cho câu 7 trong SGK.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | HS làm việc nhóm 4 – 6 thành viên:  Tìm hiểu sự nghiệp, quá trình sáng tác của tác giả Nguyễn Đình Chiểu hoàn thành PHT số 3, 4. Nhiệm vụ cụ thể:  Vòng 1. Thời gian 4p  - Tổ 1, 3: PHT số 3  - Tổ 2, 4 PHT số 4  Vòng 2. Theo hướng dẫn của GV, các nhóm HS tổ 1, 2 và 3, 4 trao đổi sản phẩm 🡪 chỉnh sửa hoàn thiện cho nhau.  - 2 Nhóm có sản phẩm tốt nhất được cử đại diện báo cáo. |  |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS làm việc nhóm thực hiện nhiệm vụ |
| Báo cáo thảo luận | - HS được cử thay mặt nhóm báo cáo sản phẩm |
| Kết luận nhận định | Gv nhận xét, ngợi khen. |
| Dự kiến sản phẩm PHT số 3   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tìm hiểu điểm tương đồng và khác biệt về hoàn cảnh và mục đích sáng tác Truyện Lục Vân Tiên và Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc** | | | | | **Khía cạnh** | | **Truyện Lục Vân Tiên** | ***Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*** | | **Tương đồng** | | Đều được sáng tác trong thế kỉ XIX, dưới chế độ phong kiến. | | | **Khác biệt** | **Hoàn cảnh** | Sáng tác khoảng đầu những năm 50 của thế kỉ 19. | - Chạy giặc sáng tác vào khoảng thời gian sau khi giặc Pháp tấn công thành Gia Định (tháng 2/ năm 1859).  - *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* được sáng tác theo yêu cầu của Tuần phủ Gia Định sau thất bại của trận tập kích đồn Pháp ở Cần Giuộc vào đêm rằm tháng 11 năm Tân Dậu (ngày 16 tháng 12 năm 1861) để đọc tại buổi truy điệu các nghĩa sĩ đã hi sinh trong trận đánh. | | **Mục đích sáng tác** | Đem gương người xưa mà khuyên người ta về cương thường – đạo nghĩa, bàn đạo làm người với quan niệm văn dĩ tải đạo. | *- Chạy giặc*: tác giả muốn thể hiện lòng yêu nước và phản đối sự xâm lăng của thực dân Pháp.  - *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*: tác giả ca ngợi những người anh hùng áo vải đã hi sinh vì đất nước. |   Dự kiến sản phẩm PHT số 4   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khía cạnh** | **Hành động Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga** | **Khi nhắc đến “trang dẹp loạn” trong *Chạy Giặc*** | | **Tình cảm, cảm xúc của tác giả** | - Ca ngợi tài năng, đức độ của một nhân vật anh hùng. | - Sự trông đợi đến mỏi mòn, có phần oán thán khi chất vấn về sự vắng bóng của những “trang dẹp loạn” trong hoàn cảnh đất nước bị giày xéo dưới gót giày quân xâm lược. | | | |

**IV. Hồ sơ dạy học**

**PHT số 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu tìm hiểu nhân vật Lục Vân Tiên** | | |
| **Thời điểm** | **Hành động** | **Lời nói** |
| **Khi đánh cướp** |  |  |
| **Khi gặp gỡ Kiều Nguyệt Nga** |  |  |
| **Nhận xét về phẩm chất nhân vật:** | | |

**PHT số 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu tìm hiểu nhân vật Kiều Nguyệt Nga** | |
| **Phương diện** | **Thể hiện trong văn bản** |
| **Xuất thân** |  |
| **Lời nói** |  |
| **Hành động** |  |
| **Nhận xét về phẩm chất nhân vật:** | |

**PHT số 3**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tìm hiểu điểm tương đồng và khác biệt về hoàn cảnh và mục đích sáng tác Truyện Lục Vân Tiên và Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc** | | | |
| **Khía cạnh** | | **Truyện Lục Vân Tiên** | ***Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*** |
| **Tương đồng** | |  | |
| **Khác biệt** | **Hoàn cảnh** |  |  |
| **Mục đích sáng tác** |  |  |

**PHT số 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khía cạnh** | **Hành động Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga** | **Khi nhắc đến “trang dẹp loạn” trong *Chạy Giặc*** |
| **Tình cảm, cảm xúc của tác giả** |  |  |

***Thời gian XDKH:*** *………………………*

***Thời điểm THKH:*** *………………………*

**Văn bản 2 : THÚY KIỀU BÁO ÂN BÁO OÁN**

*(Truyện Kiều –* Nguyễn Du*)*

*Thời lượng: 90 phút*

**I. MỤC TIÊU**

***1. Năng lực***

***1.1. Năng lực đặc thù***

Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

Nêu được nội dung bao quát của văn bản; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

***1.2. Năng lực chung***

*- Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; tìm kiếm nguồn học liệu qua các kênh sách hoặc trên internet; hoàn thành các phiếu học tập được giao; tự đánh giá và đánh giá, tranh luận, phản biện qua các hoạt động nhóm.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác*: biết lựa chọn nội dung, ngôn từ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp, phát triển khả năng làm việc nhóm.

*- Năng lực giải quyết vấn đề:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

***2. Phẩm chất***

*- Yêu nước:* Yêu di sản văn hóa dân tộc qua các tác phẩm kinh điển xưa.

*- Chăm chỉ:* Chăm học, chăm làm, học hỏi những phương pháp mới để phát triển bản thân.

*- Trách nhiệm:* Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, nâng cao ý thức trách nhiệm học tập phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

SGK, SGV

Máy tính, ti vi, điện thoại có kết nối internet, chiếu tranh ảnh, video liên quan đến bài học

Phiếu học tập. (lưu ý: tùy theo tình hình, gv có thể cung cấp phiếu học tập từ tiết trước cho hs phô tô hoặc cho hs kẻ sẵn vào trong vở).

*Phiếu học tập số 1:* Hướng dẫn đọc trải nghiệm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi tưởng tượng, suy luận.** | **Cách hiểu của em** | **Trao đổi với bạn** | **Nhận xét của giáo viên** |
| 1. Xác định những từ ngữ được dùng để miêu tả khung cảnh Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán? |  |  |  |
| 2. Tóm tắt nội dung cuộc đối thoại giữa Từ Hải và Thúy Kiều (từ dòng 2.319 đến dòng 2.324)? |  |  |  |
| 3. Đọc đoạn thơ từ dòng 2.327 đến dòng 2.332, em hình dung như thế nào về tâm trạng, giọng điệu của Kiều? |  |  |  |
| 4. Cách dùng từ “tiểu thư” để xưng hô trong lời thoại thể hiện thái độ gì của người nói đối với người nghe? |  |  |  |
| 5. Mục đích của đoạn thoại từ dòng 2.365 đến dòng 2.372 là gì? Chỉ ra những lí lẽ mà nhân vật đã sử dụng trong đoạn thoại. |  |  |  |

*Phiếu học tập số 2:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Các sự kiến chính** | **Nhân vật gắn liền với sự kiện** |
| ………………………………………………………...  ………………………………………………………...  ………………………………………………………... | ……………………………………………………..  ……………………………………………………..  …………………………………………………….. |
| ………………………………………………………...  ………………………………………………………...  ………………………………………………………... | ……………………………………………………..  ……………………………………………………..  …………………………………………………….. |
| **Bố cục của văn bản:**  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………………… | |
| **Nội dung bao quát của văn bản:**  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………………… | |

*Phiếu học tập số 3:*

|  |
| --- |
| **Nhân vật Thúy Kiều** |
| Chi tiết miêu tả hành động ngôn ngữ của Thúy Kiều:  ……………………………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………………………  Tính cách, phẩm chất của Thúy Kiều:  …………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………… |

*Phiếu học tập số 4:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhân vật Hoạn Thư** | | |
| Chi tiết miêu tả hành động ngôn ngữ của Hoạn Thư | Tính cách, phẩm chất của Hoạn Thư |
| …………………………………………………………  …………………………………………………………  …………………………………………………………  ………………………………………………………… | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  ………………………………………………… |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1. Xác định vấn đề/chuẩn bị đọc** *(5 phút)*

**1. Mục tiêu**

Kết nối tri thức, dẫn dắt học sinh nhận biết mục tiêu văn bản.

Tạo hứng khởi cho học sinh trước khi vào bài mới

**2. Nội dung**

Kiểm tra năng lực nhận biết của học sinh về đặc điểm thể loại truyện thơ Nôm qua công cụ trực tuyến plickers

Cho hs chia sẻ suy nghĩ về vấn đề liên quan đến bài học.

**3. Sản phẩm**

HS dùng thẻ plickers để trả lời các câu hỏi về kiến thức thể loại Truyện thơ Nôm

HS trao đổi ý kiến cá nhân về vấn đề được hỏi.

**4. Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

**Nhiệm vụ 1**: GV kiểm tra kiến thức về thể loại truyện thơ Nôm qua công cụ Plickers trực tuyến. Các câu hỏi thiết kế như sau:

***1. Truyện thơ Nôm ra đời vào khoảng thời gian nào?***

*a. Thế kỉ XVI*

*b. Thế kỉ XVII*

*c. Thế kỉ XVIII*

*d. Thế kỉ XIX.*

***2. Truyện thơ Nôm sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?***

*a. Tự sự.*

*b. Miêu tả.*

*c. Biểu cảm.*

*d. Thuyết minh.*

***3. Truyện thơ Nôm chủ yếu được viết theo thể thơ gì?***

*a. Thơ Ngũ ngôn tứ tuyệt.*

*b. Thơ Thất ngôn bát cú Đường Luật.*

*c. Thơ Lục bát.*

*d. Thơ tự do.*

***4. Truyện thơ Nôm được mệnh danh là kiệt tác hàng đầu của nên văn học dân tộc Việt Nam là:***

*a. Truyện Lục Vân Tiên.*

*b. Truyện Kiều.*

*c. Quan Âm thị Kính.*

*d. Thạch Sanh.*

***5. Tác giả của Truyện Kiều - Người được mệnh danh là đại thi hào dân tộc Việt Nam là ai?***

*a. Nguyễn Đình Chiểu*

*d. Hồ Xuân Hương*

*c. Nguyễn Dữ*

*d. Nguyễn Du*

**Nhiệm vụ 2:** GV cho hs trao đổi, thảo luận và chia sẻ những hiểu biết của mình về Truyện Kiều và tác giả Nguyễn Du.

*? Các em biết những gì về Truyện Kiều và những thông tin về tác giả Nguyễn Du?*

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ, thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**B3. Báo cáo thảo luận**

Hs chia sẻ những hiểu biết của bản thân

**B4. Kết luận, nhận định**

Gv nhận xét câu trả lời của Hs và kết nối vào phần kiến thức mới.

Gv giới thiệu về tác giả Nguyễn Du và giá trị của Truyện Kiều trong nền văn học Việt Nam

**HĐ 2. Hình thành kiến thức mới** *(85 phút)*

|  |  |
| --- | --- |
| **I. ĐỌC TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS  - Có nhận thức khái quát về văn bản.  **b. Nội dung**  Đọc hóa thân thành nhân vật và trả lời câu hỏi dự đoán, suy luận  **c. Sản phẩm**  Trích đoạn kịch hoàn chỉnh do hs biểu diễn, câu trả lời của học sinh.  **b. Tổ chức thực hiện**  Gv sử dụng kĩ thuật “động não”.  *Thời lượng: 20 phút* | |
| **1. Đọc, trải nghiệm đóng vai** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV 1 bạn hs đọc văn bản mẫu.  - Tổ chức hoạt cảnh diễn tả lại nội dung văn bản *Chuẩn bị:*  1 bạn học sinh đóng vai trò người dẫn truyện  Các vai diễn:  + 4 bạn hs trong vai Thúy Kiều, Từ Hải, Thúc Sinh, Hoạn Thư  + 7 bạn hs trong vai Bạc Hạnh, Bạc Bà, Ung, Khuyển, Sở Khanh, Tú Bà, Mã Giám Sinh.  Những bạn hs còn lại: Vai binh lính.  đạo cụ: 2 ghế cho Từ Hải và Thúy Kiều.  Sắp xếp khoảng trống trên lớp thành công đường.  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  HS thực hiện theo yêu cầu đóng vai của giáo viên  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS thực hiện biểu diễn trước lớp  **B4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét phần đóng vai của học sinh | Yêu cầu: Các nhân vật thể hiện thần thái, tác phong, cử chỉ, giọng điệu giống cách miêu tả nhân vật trong văn bản. |
| **2. Dự đoán, suy luận** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu hs trả lời các câu hỏi dự đoán và suy luận trong bài.  1. Xác định những từ ngữ được dùng để miêu tả khung cảnh Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán?  2. Tóm tắt nội dung cuộc đối thoại giữa Từ Hải và Thúy Kiều (từ dòng 2.319 đến dòng 2.324)?  3. Đọc đoạn thơ từ dòng 2.327 đến dòng 2.332, em hình dung như thế nào về tâm trạng, giọng điệu của Kiều?  4. Cách dùng từ “tiểu thư” để xưng hô trong lời thoại thể hiện thái độ gì của người nói đối với người nghe?  5. Mục đích của đoạn thoại từ dòng 2.365 đến dòng 2.372 là gì? Chỉ ra những lí lẽ mà nhân vật đã sử dụng trong đoạn thoại.  - GV cho hs nhận xét và nêu cảm nhận chung của mình về từng nhân vật.  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  **Hs** thực hiện theo yêu cầu.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS chia sẻ trước lớp  **B4. Kết luận, nhận định**  Gv nhận xét phần chia sẻ của học sinh | 1. Từ ngữ dùng để miêu tả khung cảnh Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán*:* *trướng hùm, trung quân, cửa viên, tiên nghiêm.*  2. Thúy Kiều nói với Từ Hải rằng sẽ xử quyết báo đền ân tình, trả thù với những kẻ giúp đỡ, gây hại nàng.  3. Qua đoạn thơ ta thấy, Kiều ân cần hỏi han Thúc Sinh để trấn an chàng. Hai chữ người cũ mang sắc thái thân mật, gần gũi, biểu hiện tấm lòng biết ơn chân thành của nàng. Khi nói với Thúc Sinh, trong ngôn ngữ của Kiều xuất hiện nhiều từ Hán Việt: *nghĩa, tòng, phụ, cố nhân…* kết hợp với điển cố *Sâm Thương*. Cách nói trang trọng này phù hợp với chàng thư sinh họ Thúc đồng thời diễn tả được tấm lòng biết ơn trân trọng của Kiều  4. Vừa thấy Hoạn Thư, nàng đã chào thưa, vẫn gọi Hoạn Thư là *tiểu thư*.Cả hành động và lời nói của Kiều đều biểu thị thái độ mỉa mai, chì chiết. Cách xưng hô này còn là một đòn quất mạnh vào mặt ả đàn bà họ Hoạn có máu ghen ghê gớm.  5. Đoạn thoại đó là lời tự bào chữa của Hoạn Thư.  - Hoạn Thư khôn khéo đưa Kiều từ vị thế đối lập trở thành người đồng cảnh, cùng chung *chút phận đàn bà*. Nếu Hoạn Thư có tội thì cũng là do tâm lí chung của giới nữ: *Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.* Từ *tội nhân*, Hoạn Thư đã lập luận để mình trở thành *nạn nhân* của chế độ đa thê. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **1. Một số đặc điểm của truyện thơ Nôm qua văn bản** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật,lời thoại.  *-* Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.  **b. Tổ chức thực hiện**  *Thời lượng: 45 phút* | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho hs làm PHT số 2,3,4. Sau khi làm xong PHT, giáo viên cho hs rút ra các đặc điểm về thể loại qua các câu hỏi như sau:  ? Thể thơ? Mô hình cốt truyện của tác phẩm?  ? Đặc điểm nhân vật trong truyện thơ Nôm qua văn bản?  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  - HS thực hiện theo yêu cầu  **B3. Báo cáo thảo luận**  - Hs báo cáo  **B4. Kết luận, nhận định**  Gv nhận xét, kết luận, nhận định. | - Thể thơ đặc trưng của truyện thơ Nôm: thơ lục bát.  - Cốt truyện toàn tác phẩm: theo mô hình gặp gỡ - tai biến – đoàn tụ. Trong đoạn trích: mô hình nhân – quả (ở hiền gặp lành). Nội dung truyện thể hiện trạng thái viên mãn hạnh phúc khi ân, oán được đền bồi. Thúy Kiều báo được ân oán với Thúc Sinh, Hoạn Thư và những nhân vật khác  - Cách xây dựng nhân vật: Sử dụng motif song trùng trong truyện thơ Nôm: Trai tài (Từ Hải) – gái sắc (Thúy Kiều); motif chính – tà (Thúy Kiều – Bạc Bà, Sở Khanh, ….)  - Nhân vật  + Thúy Kiều: điển hình trong truyện thơ Nôm, đó là sự hướng tới vẻ đẹp phẩm chất cao quý, lí tưởng, là mơ ước của cộng đồng muốn đạt đến. Kiều là người thấu hiểu đạo lí nhân nghĩa ở đời *(báo ân rồi sẽ trả thù):* trọng ân nghĩa, vị tha, tế nhị, khéo léo trong mối quan hệ với Thúc Sinh; bao dung, độ lượng, có phần thấu hiểu với cảnh ngộ của người khác trong mối quan hệ với Hoạn Thư; mạnh mẽ, quyết liệt đòi lại công bằng cho bản thân, không khoan nhượng với cái ác trong mối quan hệ với bọn “buôn thịt bán người”,…  + Nhân vật Hoạn Thư: có thế giới nội tâm phong phú, đa dạng, khôn ngoan, lọc lõi, thấu hiểu tâm lý đối phương.  + Nhân vật Từ Hải trong văn bản:Là hình tượng tiêu biểu cho nhân vật anh hùng, đại diện cho tự do, công lý, thế hiện mơ ước của nhân dân. Trao uy quyền cho Kiều, tin tưởng Kiều là người thông minh, sáng suốt và có thể thực hiện việc báo ân báo oán phân minh. |
| *Phiếu học tập số 2:*   |  |  | | --- | --- | | **Các sự kiến chính** | **Nhân vật gắn liền với sự kiện** | | Từ Hải mở “trướng hùm” và trao quyền báo ân, báo oán cho Kiều | Từ Hải, Thuý Kiều | | Kiều báo ân Thúc Sinh và một số người khác (phần này đã bị lược bớt: từ câu 2339 đến câu 2354) | Thuý Kiều, Thúc Sinh; phần bị lược bớt có sự xuất hiện của *mụ già* (bà quản gia nhà họ Hoạn) và *Sư trưởng* (Giác Duyên) | | Kiều báo oán Hoạn Thư và những kẻ khác | Thuý Kiều, Hoạn Thư, Bạc Hạnh, Bạc Bà, Ưng, Khuyển, Sở Khanh, Tú Bà, Mã Giám Sinh | | **Bố cục của văn bản:**  - 10 dòng thơ đầu (*Trướng hùm mở giữa trung quân … Từ rằng “Việc ấy để cho mặc nàng”*): Từ Hải mở “trướng hùm” và trao quyền báo ân, báo oán cho Kiều.  - 14 dòng thơ tiếp theo (*Cho gươm mời đến Thúc lang … Mồ hôi chàng đã như mưa ướt dầm*): Thuý Kiều báo ân.  - 34 dòng thơ tiếp theo (*Dưới cờ gươm tuốt nắp ra … Thề sao thì lại cứ sao gia hình*): Thuý Kiều báo oán.  - Phần còn lại: Lời bình của người kể chuyện. | | | **Nội dung bao quát của văn bản:**  VB kể về việc Kiều dưới sự trợ giúp của Từ Hải đã thực hiện việc báo ân người đã giúp đỡ nàng, đồng thời trừng trị, răn đe những kẻ bất nhân, tàn ác. Vị trí các sự kiện được kể của phần VB *Thuý Kiều báo ân, báo oán* trong cốt truyện *Truyện Kiều*: *Truyện Kiều* mang đặc điểm mô hình *gặp gỡ (hội ngộ) – tai biến (lưu lạc) – đoàn tụ (đoàn viên)* của truyện thơ Nôm; các sự kiện của phần VB *Thuý Kiều báo ân, báo oán* nằm ở giai đoạn *tai biến* *(lưu lạc)* của cốt truyện. | |   *Phiếu học tập số 3:*   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật Thúy Kiều** | | | **Chi tiết miêu tả hành động ngôn ngữ của Thúy Kiều**  - Kiều nhờ cậy uy nghiêm của Từ Hải để thực hiện việc báo ân và báo oán.  **\* Qua lời nói, Kiều bày tỏ lòng biết ơn, sự trân trọng của mình với những ân tình của Thúc Sinh:**  + Kiều nhớ ơn Thúc Sinh đã cứu nàng thoát khỏi lầu xanh và cũng đã từng có những tháng ngày êm ấm, xem đó là “nghĩa trọng tình non”. Khi gọi Thúc Sinh là “chàng”, là “cố nhân” (thể hiện sắc thái trang trọng) và tự nhận mình là “người cũ” (sắc thái thân mật, gần gũi), Kiều đã khéo léo, kín đáo nhắc lại tình nghĩa mặn nồng một thuở giữa hai người  + Trong ngôn ngữ trò chuyện với Thúc Sinh, Kiều đã dùng nhiều từ Hán Việt (*nghĩa, tòng, cố nhân, tạ,…*) và điển cố (*Sâm Thương*) để bày tỏ thái độ trân trọng dành cho “cố nhân”. Những ân tình ấy dù cho “gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân” cũng không dễ gì đền đáp  – Khi nói với Thúc Sinh, Kiều đã nhắc đến Hoạn Thư với những từ ngữ nôm na, dân dã, quen thuộc như thành ngữ *kẻ cắp bà già gặp nhau*, *kiến bò miệng chén*, *vợ chàng*, *quỷ quái*, *tinh ma*, *mưu sâu*, *nghĩa sâu*,… Kiều đã vạch rõ với Thúc Sinh: vợ cả của chàng là một người nham hiểm, độc ác; là kẻ gây nên tình cảnh chia lìa giữa nàng với Thúc Sinh và khẳng định Thúc Sinh không có lỗi trong việc này. Điều này cho thấy Kiều rất hiểu Thúc Sinh. Có lẽ vết thương lòng mà Hoạn Thư gây ra cho Kiều không dễ nguôi ngoai nên trong lời nói, Kiều đã báo trước với Thúc Sinh về dự định trả thù Hoạn Thư  **\* Kiều báo oán Hoạn Thư:**  – Đầu tiên, Kiều vẫn “chào thưa” và sử dụng cách xưng hô như lúc còn làm hoa nô cho nhà họ Hoạn: gọi Hoạn Thư là “tiểu thư”. Tiếp theo, Kiều dường như dằn giọng từng tiếng một khi sử dụng lặp đi lặp lại, nhấn mạnh một số từ ngữ như *dễ có, dễ dàng, mấy tay, mấy mặt, mấy gan, đời xưa, đời này, càng cay nghiệt, càng oan trái,…* Trong hoàn cảnh diễn ra cuộc báo ân, báo oán thì vị trí của Thuý Kiều và Hoạn Thư đã có sự thay bậc đổi ngôi: Kiều giờ đã là phu nhân của Từ Hải, người phán quyết của phiên toà “ân – oán” hôm nay, còn Hoạn Thư giờ đang là kẻ bị luận tội. Vì vậy, cách xưng hô và sử dụng ngôn ngữ như thế cho thấy thái độ mỉa mai, đay nghiến, giễu cợt đối với tiểu thư con quan Lại bộ  – Sau khi nghe Hoạn Thư kêu ca, phân trần, Kiều thừa nhận đây là con người “Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời” và thừa nhận khó xử. Khi thấy Hoạn Thư tỏ vẻ biết lỗi, xin tha, Kiều có răn đe và rộng lượng tha cho Hoạn Thư: “Đã lòng tri quá thì nên/ Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay”  **\* Kiều báo oán những kẻ khác:**  – Kiều lần lượt liệt kê từng kẻ gian ác như Bạc Hạnh, Bạc Bà, Ưng, Khuyển, Sở Khanh, Tú Bà, Mã Giám Sinh. Kiều không liệt kê theo thời gian gặp gỡ chúng trong cuộc đời nàng mà theo logic của sự căm phẫn: kẻ gây oán với nàng từ lúc gần nhất cho đến những thời điểm lâu hơn trong quá khứ. Kiều kể không sót ai, cho thấy nàng thật sự phẫn nộ, căm tức, uất hận  – Ngôn ngữ, giọng điệu của nàng ở lượt đối thoại này ngắn gọn, sắc lạnh, quả quyết: *Nàng rằng: “Lồng lộng trời cao/ Hại nhân, nhân hại, sự nào tại ta!; Các tên tội ác đáng tình còn sao?”* 🡪 Kiều khẳng định hậu quả mà chúng phải gánh chịu hôm nay là kết quả của việc thực thi công lí ở đời  – Kiều dứt khoát, mạnh mẽ, kiên quyết nghiêm trị cái ác: *Lệnh quân truyền xuống nội đao/ Thề sao thì lại cứ sao gia hình* | | **Tính cách, phẩm chất của Thúy Kiều**  Kiều người thấu hiểu đạo lí nhân nghĩa ở đời (báo ân rồi sẽ trả thù): trọng ân nghĩa, vị tha, tế nhị, khéo léo trong mối quan hệ với Thúc Sinh; bao dung, độ lượng, có phần thấu hiểu với cảnh ngộ của người khác trong mối quan hệ với Hoạn Thư; mạnh mẽ, quyết liệt đòi lại công bằng cho bản thân, không khoan nhượng với cái ác trong mối quan hệ với bọn “buôn thịt bán người”,… |   *Phiếu học tập số 4:*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật Hoạn Thư** | | | | Chi tiết miêu tả hành động ngôn ngữ của Hoạn Thư | Tính cách, phẩm chất của Hoạn Thư | | - Hồn lạc, phách xiêu, khấu đầu dưới trướng, kêu ca  - Lời nói: Đưa ra nhiều lí lẽ để “kêu ca”, gỡ tội:  + Dẫn ra quy luật tâm lí thường tình của phụ nữ (*Rằng: “Tôi chút phận đàn bà/ Ghen tuông thì cũng người ta thường tình*) và khẳng định mình cũng là nạn nhân của chế độ đa thê (*Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai*);  + Kể lại những việc làm có lợi cho Kiều ngày trước: *Nghĩ cho khi các viết kinh/ Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo*;  + Thừa nhận sự kính trọng thầm kín dành riêng cho Kiều: *Lòng riêng riêng những kính yêu*;  + Nhận hết tội lỗi về phía mình: *Trót lòng gây việc chông gai;*  *+* Trông cậy, nhờ vả hết vào tấm lòng khoan dung, độ lượng của Kiều: *Còn nhờ lượng bể thương bài nào chăng* | Hoạn Thư rất *khôn ngoan, giảo hoạt, thấu hiểu tâm lí đối phương*. Lúc đầu, Hoạn Thư tỏ ra sợ hãi nhưng vẫn bình tĩnh “liệu điều kêu ca”; biết dùng quy luật tâm lí thông thường của phụ nữ để đánh vào lòng thương cảm của Kiều; biết rõ Kiều là người trọng nghĩa, khéo léo thoả mãn lòng tự trọng của Kiều; thừa nhận toàn bộ lỗi lầm của bản thân nên đã chuyển hoá được sự thù hận trong lòng Kiều thành sự cảm thông và cuối cùng là được tha bổng | | |
| **2. Chủ đề của văn bản** | |
| **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  **b. Tổ chức thực hiện**  Kĩ thuật động não, thảo luận nhóm  *Thời lượng: 10 phút* | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Chủ đề của văn bản là gì?  ? Căn cứ để xác định chủ đề?  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  - Hs thực hiện nhóm  **B3. Báo cáo thảo luận**  Hs chia sẻ sản phẩm của mình, nhận xét câu trả lời của nhóm bạn  **B4. Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét phần chia sẻ câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức lên màn hình. | – Chủ đề của VB: Tấm lòng nhân nghĩa, vị tha của Thuý Kiều; khát vọng, ước mơ công lí chính nghĩa theo quan điểm của tác giả và nhân dân thời đại Nguyễn Du (con người bị áp bức, đau khổ sẽ vùng lên thực thi công lí “ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác”).  – Căn cứ xác định chủ đề: Cách sắp xếp các sự kiện chính; cách khắc hoạ khung cảnh báo ân, báo oán; cách khắc hoạ tính cách nhân vật qua hành động, lời đối thoại, cách xây dựng các nhân vật trong tính chỉnh thể của VB. |
| **III. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG** | |
| 1. **Mục tiêu**   - Hệ thống được một số đặc điểm của thể loại truyện thơ Nôm.  - Bước đầu rút ra được một số kinh nghiệm đọc VB truyện thơ Nôm.  **b. Tổ chức thực hiện**  *Thời lượng: 10 phút*  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  (1) Hoàn thành bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Một số đặc điểm của truyện thơ Nôm** | **Lưu ý về cách đọc truyện thơ Nôm** | | ………………………………………………………...  ………………………………………………………...  ………………………………………………………... | ……………………………………………………..  ……………………………………………………..  …………………………………………………….. | | ………………………………………………………...  ………………………………………………………...  ………………………………………………………... | ……………………………………………………..  ……………………………………………………..  …………………………………………………….. |   (2) Trả lời câu 7 trong SGK.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Nhóm 4 – 6 HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự (1) 🡪 (2)  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Đại diện HS trình bày kết quả thực hiện. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét, đánh giá.  (1) GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm dựa trên đặc điểm của truyện thơ Nôm đã học và lưu ý HS khi đọc truyện thơ Nôm cần chú ý: xác định tóm tắt các sự việc, từ đó xác định đặc điểm cốt truyện; chỉ ra đặc điểm, tính cách nhân vật được thể hiện qua hành động, ngôn ngữ (lời thoại), tâm trạng, cảm xúc,…; phân biệt lời thoại của nhân vật (đối thoại, độc thoại) và lời của người dẫn truyện; chú ý phân tích các chi tiết tiêu biểu, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  (2) GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS dựa trên định hướng tham khảo sau:  – Truyện được kể bằng thơ nên giàu nhạc điệu; các chi tiết, sự kiện, nhân vật được kể lại, khắc hoạ bằng hệ thống các hình ảnh chọn lọc; ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật có tính hàm súc; các yếu tố của thơ như thanh điệu, vần, nhịp góp phần vào việc khắc hoạ chân dung nhân vật, miêu tả diễn biến tâm trạng, bối cảnh, tình huống,… Đặc biệt những đặc điểm của thơ rất phù hợp để miêu tả diễn biến tâm trạng, những thay đổi tâm lí hết sức tinh tế của nhân vật;…..  – Tuy kể chuyện bằng thơ lục bát nhưng vẫn phát huy được vai trò của người kể chuyện ngôi thứ ba bao quát mọi việc, quan sát, miêu tả, trần thuật, bình luận, một cách tự nhiên.  – Những dòng thơ lục bát kết hợp khéo léo giữa kể chuyện với miêu tả, bình luận; giữa lời của người kể chuyện với lời của nhân vật; giữa thuật lại hành động, lời nói với miêu tả tâm lí, thể hiện cảm xúc, thái độ của nhân vật,…  – Đặc biệt, cách xây dựng đối thoại của nhân vật qua câu thơ lục bát rất uyển chuyển, biến hoá. (GV có thể cho HS so sánh đối thoại Thuý Kiều – Từ Hải và đối thoại Thuý Kiều – Hoạn Thư để thấy rõ đặc điểm này). | |

**Những vấn đề cần lưu ý sau bài dạy**

…

…

…

🙛🟒🟒🟔🕮🟔🟒🟒🙙

Ngày soạn: ............... / .............../ ..................................

Ngày dạy: ............... / .............../ ..................................

**Bài 5: KHÁT VỌNG CÔNG LÍ**

**( TRUYỆN THƠ NÔM)**

**Tiết** ..................................**: TTTV & THTV: CHỮ NÔM VÀ CHỮ QUỐC NGỮ;**

**ĐIỂN TÍCH, ĐIỂN CỐ**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. **Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác: thể hiện qua hoạt động làm việc nhóm ở hoạt động *Tìm hiểu Tri thức tiếng Việt* và hoạt động *Luyện tập*.

**1.2. Năng lực đặc thù**

– Trình bày được một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

– Phân tích được đặc điểm, tác dụng của điển tích, điển cố.

**2. Phẩm chất**

Chăm chỉ thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Máy tính, máy chiếu

- Bảng phụ

**2. Học liệu:**

- Tri thức Tiếng Việt.

- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến kiến thức của bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Ổn đinh lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ**

**CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Khái niệm** | **Dấu hiệu nhận biết** | **Nêu ví dụ** |
| Dẫn trực tiếp |  |  |  |
| Dẫn gián tiếp |  |  |  |

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5’)**

***a. Mục tiêu:***

– Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến nội dung bài học.

– Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về kiến thức nền và nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*Cá nhân HS thực hiện các nhiệm vụ sau:  Cho HS xem vi deo về chữ Nôm, chữ Quốc ngữ theo đường link  https://www.youtube.com/watch?v=Tv5Rz\_WIJxE    (1) Trả lời câu hỏi: Em đã biết gì về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ?  (2) Đọc lướt phần *Tri thức Ngữ văn* và *Thực hành tiếng Việt* trong SGK để xác định nhiệm vụ học tập.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ (1); sau khi báo cáo, nghe kết luận về nhiệm vụ (1), HS thực hiện nhiệm vụ (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 – 2 HS trình bày. Các HS khác bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:*  (1): GV ghi nhận những nội dung HS đã biết về đoạn văn.  (2): GV nhận xét câu trả lời của HS; giới thiệu bài học và nhiệm vụ học tập. |  |

**HOẠT DỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30’)**

***a. Mục tiêu:***

– Trình bày được một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ;

– Nhận biết được đặc điểm, tác dụng của điển tích, điển cố.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

**c*. Tổ chức thực hiện:***

**I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *HOẠT ĐỘNG 1:*  *\* Giao nhiệm vụ học tập: Chia lớp thành 4 nhóm,* thực hiện nhiệm vụ sau: đọc, tóm tắt nội dung của mục *Tri thức Ngữ văn* trong SGKvà điền vào phiếu học tập:   |  |  | | --- | --- | | Nhóm 1 | *Nêu hiểu biết sơ giản về chữ Nôm* | | Nhóm 2 | *Nêu hiểu biết sơ giản về chữ Quốc Ngữ* | | Nhóm 3 | *Nêu hiểu biết sơ giản về điển tích, điển cố* | | Nhóm 4 | Nêu điểm giống và khác nhau giữa Chữ Nôm và chữ Quốc ngữ. |   *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày. Các nhóm khác nghe và nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. Trên cơ sở đó, GV hướng dẫn HS khái quát về chữ Nôm và chữ Quốc Ngữ.  - Giống: Đều ghi được âm tiếng Việt.  - Khác nhau:  + Chữ quốc ngữ: Dùng các con chữ trong chữ viết Latinh, chỉ cần học thuộc bảng chữ cái biết cách ghép vần là có thể đọc được tất cả các tiếng. Rất được phổ biến hiện nay.  + Chữ Nôm: Chữ Nôm được xây dựng trên cơ sở chữ Hán đọc theo âm Hán-Việt, kết hợp cả hai yếu tố biểu ý và biểu âm. Khó học và khó nhớ, không được phổ biến hiện nay.  *HOẠT ĐỘNG 2:*  *\* Giao nhiệm vụ học tập: Yêu cầu HS* thực hiện nhiệm vụ sau:  - Nêu đặc điểm và tác dụng của điển tích, điển cố.  - So sánh điển tích, điển cố với thành ngữ.  - Làm bài tập nhận diện điển tích, điển cố và thành ngữ.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày. Các nhóm khác nghe và nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. Trên cơ sở đó, GV hướng dẫn HS khái quát về điển tích, điển cố. So sánh điển tích, điển cố với thành ngữ và làm các BT nhận diện.  🡺 ĐIỂN CỐ   1. Khái niệm:   Là những câu chuyện, sự việc có trong sách vở đời trước được dẫn ra để diễn đạt nội dung tương ứng.  b. Đặc điểm:   * Không cố định   - Mang tính hàm súc, thâm thúy  THÀNH NGỮ   1. Khái niệm: là những cụm từ cố định được hình thành từ trước, có tính khái quát, hình tượng cao; có nghĩa tương đương với một từ. 2. Đặc điểm:  * Tính hình tượng. * Tính hàm súc.   Bài tập 1: Phân loại điển tích - điển cố ,thành ngữ trong các ví dụ sau. Nêu lý do phân loại như vậy.  Há miệng chờ sung 🡪 Thành ngữ  Đàn gẩy tai trâu 🡪 Thành ngữ  Gót chân Asin 🡪 Điển cố, điển tích  Sức trai Phù Đổng 🡪 Điển cố, điển tích  Bài tập 2: Tìm và nêu ý nghĩa của điển cố trong đoạn thơ:  Thị thơm thị giấu người thơm  Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà  Đẽo cày theo ý người ta  Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì  (“Truyện cổ nước mình” – Lâm Thị Mỹ Dạ)  - Thị thơm” (từ truyện cổ tích Tấm Cám): sự tích cô Tấm hóa thân trong quả thị, mỗi lần mỗi lần bà lão đi vắng thì từ quả thị, cô bước ra và làm mọi công việc gia đình giúp bà lão. Điển cố này nói đến hình tượng người hiền lành, chăm chỉ, luôn được yêu thương. Việc dùng điển cố này còn gợi ra phong vị cổ tích, phù hợp với nhan đề của bài thơ.  - Điển cố “đẽo cày giữa đường” (lấy từ truyện ngụ ngôn cùng tên). Ý nghĩa của điển cố: Nếu không độc lập, có chính kiến riêng của mình thì làm bất cứ việc gì đều không đạt được mục đích. Việc nhắc gợi điển cố này trong truyện dân gian ngoài ý nghĩa triết lý về lối sống còn hòa hợp với phong vị truyện cổ của cả bài thơ. | **I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT:**  **1. Một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng việt: chữ nôm và chữ quốc ngữ;**  *- Chữ Nôm* là hệ thống chữ viết của người Việt được xây dựng dựa trên cơ sở chất liệu chữ Hán và âm đọc Hán Việt. Đây là thành quả văn hóa lớn lao, thể hiện ý thức độc lập, tự chủ của dân tộc và là phương tiện sáng tạo nên nền văn học chữ Nôm đặc sắc. Theo một số công trình nghiên cứu, chữ Nôm có thể đã hình thành vào khoảng thế kỉ VIII - IX và được phát triển, hoàn thiện vào khoảng thế kỉ XIII.  *- Chữ Quốc ngữ* là hệ thống chữ viết do một số giáo sĩ phương Tây dựa vào bộ chữ cái La-tinh để ghi âm tiếng Việt nhằm phục vụ cho việc truyền giảng đạo Thiên Chúa. Chữ Quốc ngữ ra đời vào nửa đầu thế kỉ XVII và được cải tiến, hoàn thiện trong vòng hai thế kỉ tiếp theo. Đây là một hệ thống chữ viết có nhiều ưu điểm, có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, đồng thời là phương tiện làm nên một nền văn học phong phú - nền văn học chữ Quốc ngữ.  **2. Điển tích, điển cố: đặc điểm và tác dụng**  - Điển tích, điển cố được hiểu là sự việc, câu chữ trong sách xưa, được dẫn lại một cách cô đúc trong tác phẩm văn học. Điển tích, điển cố thường được gọi chung là điển.  - Trong sáng tác văn chương, việc sử dụng điển tích, điển cố làm cho cách diễn đạt trở nên hàm súc, uyên bác, giàu sức biểu hiện, gián tiếp bộc lộ thái độ, cảm xúc của tác giả, đem lại hứng thú cho người đọc. |

**II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ; Phân tích được đặc điểm, tác dụng của điển tích, điển cố.

***b. Sản phẩm:*** Nội dung thực hiện các bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trong SGK.

**c*. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 4 HS hoàn thành bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trong SGK theo những gợi ý sau:  **Bài tập 1**: HS xem lại mục *Điển tích, điển cố: đặc điểm và tác dụng* ở phần *Tri thức Ngữ văn* và đọc lại VB *Thuý Kiều báo ân, báo oán*, đặc biệt là các chú thích.  **Bài tập 2**: HS sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa của các thành ngữ do SGK yêu cầu. GV nên giới thiệu với HS một số từ điển tiếng Việt có nguồn đáng tin cậy.  **Bài tập 3**: HS xem lại mục *Một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt*: *chữ Nôm và chữ Quốc ngữ* ở phần *Tri thức Ngữ văn*.  **Bài tập 4**: HS đọc lại VB *Thuý Kiều báo ân, báo oán*, đặc biệt là đoạn trích “Vợ chàng quỷ quái, tinh ma… Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa!”, chú ý các chú thích để xác định (những) thành ngữ được sử dụng trong đoạn trích. Để chỉ ra hiệu quả của việc sử dụng (những) thành ngữ, GV có thể dùng những câu hỏi gợi mở cho HS như: *Trong VB “Thuý Kiều báo ân, báo oán”*, *đoạn trích “Vợ chàng quỷ quái, tinh ma … Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa!” là lời của ai, nói với ai và nói về chuyện gì? (Những) thành ngữ được sử dụng có tác dụng gì đối với việc thực hiện mục đích giao tiếp của người nói?*  **Bài tập 5**: HS đọc lại VB *Thuý Kiều báo ân, báo oán*, đặc biệt là đoạn trích “Cho gươm mời đến Thúc Lang …Tạ lòng dễ xứng báo ân gọi là!”. Trước tiên HS cần xác định một số từ Hán Việt được sử dụng trong đoạn trích, sau đó chỉ ra tác dụng của việc sử dụng (những) từ Hán Việt ấy trên cơ sở hiểu nội dung của đoạn trích trong toàn mạch VB *Thuý Kiều báo ân, báo oán*.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ. Riêng nhiệm vụ (2), HS có thể thực hiện tại lớp hoặc về nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  (1) 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời. Các HS khác nhận xét.  (2) HS đánh giá chéo sản phẩm học tập theo cặp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS.  **Bài tập 1:**  **Điển cố**: *trướng hùm* (Xưa thường dùng da hùm làm thành cái màn lớn để chủ soái họp bàn với các tướng, nên người sau quen dùng chữ “hổ trướng” để chỉ chỗ làm việc của các tướng soái)*, cửa viên* (Đời xưa, lúc quân đội cắm trại thường chồng xe lên làm cửa, nên cửa doanh trại quân đội thường được gọi là *viên môn*) 🡪 Tác dụng: Việc sử dụng các điển cố trong trường hợp này gợi không khí trang trọng, uy nghiêm cho không gian của phiên toà báo ân, báo oán.  **Điển cố**: *Sâm Thương*. Theo Đào Duy Anh trong *Từ điển Truyện Kiều* (NXB Khoa học xã hội, 1989, tr. 395): sao *Sâm* và *Thương* là hai ngôi sao khác nhau, “…trong vòm trời hai vì sao ấy cách nhau gần 180 độ, cho nên hễ sao này mọc thì sao kia lặn, không thể nào cùng thấy trong một bầu trời (người ta vẫn hiểu lầm là sao Hôm và sao Mai). Còn theo thiên văn học hiện đại thì “… không phải ai cũng biết rằng sao Mai và sao Hôm chính là sao Kim. Buổi sáng, khi trời vừa rạng, thỉnh thoảng ta thấy ở phương Đông ngôi "sao Mai" xuất hiện. Lúc chiều tà vào buổi hoàng hôn, đôi lúc ta lại thấy "sao Hôm" ở phương Tây. Hai ngôi sao này, thực ra chỉ là một – đó là sao Kim. Người ta còn gọi sao Kim là sao Thái bạch hoặc Thái bạch kim tinh (ngôi sao rất trắng)” (Theo học tậptps://vtc.vn/sao-hom-va-sao-mai-thuc-ra-la-1-hanh-tinh-thuong-bi-nham-voi-ufo-vi-qua-sang-ar631914.học tậpml).  Dù hiểu theo cách nào thì *Sâm Thương* đều ý chỉ việc không bao giờ hai hình ảnh ấy (sao *Sâm* và *Thương*) cùng xuất hiện trong một bầu trời, ngụ ý chỉ sự chia li, cách biệt, không bao giờ gặp nhau. 🡪 Tác dụng: Trong hoàn cảnh đối thoại với Thúc Sinh, người mà Thuý Kiều mang ơn, việc sử dụng điển cố này thể hiện được cách nói trang trọng mà Kiều dành cho Thúc Sinh, diễn tả được tấm lòng biết ơn, trân trọng của Kiều đối với cố nhân.  **Bài tập 2:**  a. *Lá thắm chỉ hồng*: Chỉ duyên số, tiền định trong tình yêu, hôn nhân. Thành ngữ này gắn điển tích, điển cố: Vu Hượu đời Đường kết duyên với nàng cung nữ mà trước đây chàng đã từng đề thơ của mình vào chiếc lá thắm đỏ thả trôi theo dòng nước gửi vào cung cấm; Vi Cố kết duyên với người con gái trước đây chàng đã thuê người giết, vì muốn chống lại duyên phận khi ông tơ cho biết chỉ hồng đã buộc vào chân hai người từ lúc người con gái ấy mới lên ba. (Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành, *Từ điển thành ngữ Việt Nam*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, năm 1994, trang 365)  b. *Tái Ông thất mã*: Phúc – hoạ, may – rủi là những điều khó đoán định, khó lường trước được. Thành ngữ gắn với điển tích, điển cố sau: ThượngTái ông có con ngựa quý tự nhiên biến mất, nhiều người đến hỏi thăm, ông nói với họ biết đâu đó lại là điều phúc. Quả nhiên, ít hôm sau ngựa quý quay về và kéo theo mấy con ngựa khác về cùng. Ông lại nói với mọi người biết đâu đó là điều hoạ, và đúng vậy, con trai ông mải mê phi ngựa, chẳng may ngã gãy chân. Thượng Tái ông lại nói với mọi người biết đâu đó lại là điều phúc. Ít lâu sau có giặc, trai trẻ trong làng đều phải ra trận, nhiều người chẳng bao giờ trở về nữa, riêng con ông vì tàn tật mà được ở lại và sống sót. (Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành, *Từ điển thành ngữ Việt Nam*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, năm 1994, trang 556).  c. *Ngưu lang Chức nữ*: Chỉ cảnh vợ chồng phải xa nhau biền biệt, ít có điều kiện gặp nhau. Thành ngữ gắn với câu chuyện của đôi vợ chồng Ngưu lang và Chức nữ, bị trời phạt, mỗi năm chỉ được gặp nhau một lần vào mồng 7 tháng 7 âm lịch. (Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành, *Từ điển thành ngữ Việt Nam*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, năm 1994, trang 192).  **Bài tập 3:** Kể tên các t/p Văn học viết bằng chữ Nôm, chọn và chỉ ra ít nhất một từ ngữ hoặc hình ảnh yêu thích trong tác phẩm ấy và giải thích lí do lựa chọn từ ngữ/ hình ảnh ấy.  **Bài tập 4:** Nêu thành ngữ, giải thích nghĩa của thành ngữ và nêu hiệu qủa sử dụng: Đoạn trích là lời Thuý Kiều nói với Thúc Sinh về dự định trả thù Hoạn Thư. Kiều đã chỉ rõ Hoạn Thư là một người đàn bà nham hiểm, độc ác; những việc làm của Hoạn Thư nay đã đến lúc trả giá. Vì vậy kẻ xảo quyệt, tinh ma như Hoạn Thư nay sẽ gặp đối thủ tương xứng chính là nàng Kiều, và việc Hoạn Thư phải trả giá phù hợp với triết lí dân gian “ác giả ác báo”, lưới trời lồng lộng không thể thoát được, vì vậy tình cảnh của Hoạn Thư chính là “kiến bò miệng chén chưa lâu”. Cách sử dụng thành ngữ như vậy rất phù hợp với nội dung và đối tượng mà Kiều đang đề cập. Những thành ngữ nôm na, dân dã ấy đã thể hiện rõ thái độ có phần xem thường, mỉa mai của Kiều dành cho Hoạn Thư và khẳng định vị thế đối đầu tương xứng của nàng với Hoạn Thư tại thời điểm báo oán. Tính hàm súc, giàu hình tượng, biểu cảm của thành ngữ giúp Thúc Sinh hiểu rõ thái độ, dự định và sự quyết liệt của nàng về việc trả thù Hoạn Thư.  **Bài tập 5**: | **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**  **Bài tập 1**:   |  |  | | --- | --- | | **Điển cố** | **Tác dụng** | | *trướng hùm* (Xưa thường dùng da hùm làm thành cái màn lớn để chủ soái họp bàn với các tướng, nên người sau quen dùng chữ “hổ trướng” để chỉ chỗ làm việc của các tướng soái)*, cửa viên* (Đời xưa, lúc quân đội cắm trại thường chồng xe lên làm cửa, nên cửa doanh trại quân đội thường được gọi là *viên môn*) | Gợi không khí trang trọng, uy nghiêm cho không gian của phiên toà báo ân, báo oán. | | Dù hiểu theo cách nào thì *Sâm Thương* đều ý chỉ việc không bao giờ hai hình ảnh ấy (sao *Sâm* và *Thương*) cùng xuất hiện trong một bầu trời, ngụ ý chỉ sự chia li, cách biệt, không bao giờ gặp nhau. | Trong hoàn cảnh đối thoại với Thúc Sinh, người mà Thuý Kiều mang ơn, việc sử dụng điển cố này thể hiện được cách nói trang trọng mà Kiều dành cho Thúc Sinh, diễn tả được tấm lòng biết ơn, trân trọng của Kiều đối với cố nhân. |   **Bài tập 2**:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Thành ngữ | Nghĩa | Nguồn gốc | | *Lá thắm chỉ hồng* | Chỉ duyên số, tiền định trong tình yêu, hôn nhân. | Gắn điển tích, điển cố: Vu Hượu đời Đường kết duyên với nàng cung nữ mà trước đây chàng đã từng đề thơ của mình vào chiếc lá thắm đỏ | | *Tái Ông thất mã* | Phúc – hoạ, may – rủi là những điều khó đoán định, khó lường trước được. | Gắn với điển tích, điển cố sau: ThượngTái ông có con ngựa quý tự nhiên biến mất, nhiều người đến hỏi thăm, ông nói với họ biết đâu đó lại là điều phúc. | | *Ngưu lang Chức nữ* | Chỉ cảnh vợ chồng phải xa nhau biền biệt, ít có điều kiện gặp nhau. | Gắn với câu chuyện của đôi vợ chồng Ngưu lang và Chức nữ, bị trời phạt, mỗi năm chỉ được gặp nhau một lần vào mồng 7 tháng 7 âm lịch. |   **Bài tập 3**:   |  |  | | --- | --- | | Tác phẩm văn học viết bằng chữ Nôm | Từ ngữ hoặc hình ảnh yêu thích | | *Đề đền Sầm Nghi Đống* (Hồ Xuân Hương) |  | | *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) | *Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông*: Nguyễn Du mượn tích này để biểu đạt nỗi bâng khuâng nhớ thương và hụt hẫng của Kim Trọng khi trở về vườn Thuý, Thuý Kiều đã đi xa, chỉ còn thấy bóng dáng ảo ảnh của nàng nơi nhà xưa, vườn cũ. | | *Qua đèo Ngang* (Bà Huyện Thanh Quan) |  | | *Bạn đến chơi nhà* (Nguyễn Khuyến) |  | | *Tự trào* (Trần Tế Xương) |  | | *Truyện Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu) | Với việc sử dụng điển “Triệu Tử phá vòng Đương Dương: tô đậm sự đức độ của một người “vị nghĩa vong thân” và tài năng của bậc anh hùng trong tình thế ngặt nghèo. |   **Bài tập 4**: Những thành ngữ được sử dụng trong đoạn trích:   |  |  | | --- | --- | | Thành ngữ | Nghĩa của thành ngữ | | *Kẻ cắp, bà già gặp nhau* | Kẻ xảo quyệt, nhiều mánh khoé lại gặp phải một người cao tay hơn. | | *Kiến bò miệng chén* | Chỉ chạy quanh quẩn, không sao thoát ra được. |   **Bài tập 5**:   |  |  | | --- | --- | | Từ Hán Việt | Tác dụng | | *nghĩa, trọng, non, tòng, cố nhân, tạ, xứng, báo, ân,…* | Làm cho lời thơ trang trọng; thể hiện thái độ trân trọng, biết ơn của Thuý Kiều khi nói về những ân tình mà Thúc Sinh đã dành cho nàng. | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

***a. Mục tiêu:***

– Khái quát được nội dung chính của bài học.

– Rút ra được những lưu ý khi vận dụng kiến thức về một số kiểu đoạn văn.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  Em đã học được những nội dung gì về chữ viết tiếng Việt, điển tích và điển cố? Em rút ra được những lưu ý gì khi sử dụng những nội dung ấy vào việc đọc và viết VB?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ. Riêng nhiệm vụ (2), HS có thể thực hiện tại lớp hoặc về nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  (1) 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời. Các HS khác nhận xét.  (2) HS đánh giá chéo sản phẩm học tập theo cặp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS. | *1. Chữ Nôm* là hệ thống chữ viết của người Việt được xây dựng dựa trên cơ sở chất liệu chữ Hán và âm đọc Hán Việt.  *2. Chữ Quốc ngữ* là hệ thống chữ viết do một số giáo sĩ phương Tây dựa vào bộ chữ cái La-tinh để ghi âm tiếng Việt, ra đời vào nửa đầu thế kỉ XVII và được cải tiến, hoàn thiện trong vòng hai thế kỉ tiếp theo.  3. *Điển cố* là dùng những sự kiện, sự tích cụ thể trong văn học, lịch sử từ xưa để nói lên những điều mang ý nghĩa triết lí , khái quát trong cuộc sống. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  **Câu 1: Trò chơi “Thử tài của bạn”**  **(1**) Tìm một điển cố trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích.  **(2)** Tìm một điển cố trong đoạn trích Mã Giám Sinh mua Kiều.  **(3)** Tìm một điển cố trong đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga.  **(4)** Tìm một điển cố trong Sự tích Ngưu Lang Chức Nữ tượng trưng cho sự sum họp đôi lứa.  **Câu 2. Tìm và nêu ý nghĩa của điển tích điển cố trong các câu ca dao**  a)Ăn một quả khế trả một cục vàng  May túi ba gang, mang theo mà đựng  (Sự tích *Cây khế*)  b)Nhớ ai như vợ chồng Ngâu  Một năm mới gặp mặt nhau một lần…  (Sự tích *Ngưu Lang Chức Nữ*)  c) Đàn kêu lóc thịt cánh tay  Vừa nuôi tử mẫu, chàng hay chăng chàng  (Truyện Nôm *Thoại Khanh Châu Tuấn*)  d)Lên ba chẳng biết nói cười Đánh giặc cần người bỗng nói thành câu  **Câu 3: Hãy thử đặt ra một điển cố mà ý nghĩa của nó liên quan tới một nhân vật**  **nào đó trong các truyện dân gian Việt Nam.**  **(a)** Để diễn giải cho **một người chuyên cướp công người khác**, em sẽ đặt ra điển cố nào?  **(b)** Để diễn giải cho mối **oán nặng thù sâu không có hồi kết** , em sẽ đặt ra điển cố nào?  **(c)** Để diễn giải cho **một người con nghèo khổ có tấm lòng hiếu hảo, nhường bộ đồ duy nhất để chôn cất cha**, em sẽ đặt ra điển cố nào?  **(d)** Để diễn giải cho **một người trong trắng ngây thơ vì tin vào người mình yêu mà gây ra hoạ lớn**, em sẽ đặt ra điển cố nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ. Riêng nhiệm vụ (2), HS có thể thực hiện tại lớp hoặc về nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  (1) 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời. Các HS khác nhận xét.  (2) HS đánh giá chéo sản phẩm học tập theo cặp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS. | **Câu 1: Trò chơi “Thử tài của bạn”**  (1) sân Lai  (2) mua ngọc đến Lam Kiều  (3) Triệu Tử phá vòng Đương Dương  (4) cầu Ô Thước  **Câu 2. Tìm và nêu ý nghĩa của điển tích điển cố trong các câu ca dao**  a) – Lòng biết ơn  - Chê trách lòng tham  b) Sự thuỷ chung  c) Sự hiếu thảo  d) Sức mạnh của lòng yêu nước.  **Câu 3: Hãy thử đặt ra một điển cố**  **a) Lý Thông**  **b) Sơn Tinh Thuỷ Tinh**  **c) Chử Đồng Tử**  **d) Mỵ Châu** |

4. Nhận xét, dặn dò:

\* Đối với tiết học này:

- Đặc điểm của chữ Nôm, chữ Quốc ngữ, điển tích, điển cố.

- Hiểu nghĩa của chữ Nôm, chữ Quốc ngữ, điển tích, điển cố trong các VB đã được học.

\* Đối với tiết sau: *VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC*

– Tìm hiểu khái niệm và yêu cầu của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (VB truyện thơ).

– Tìm hiểu cách viết VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (VB truyện thơ).

– Tìm hiểu các bước viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

– Khái quát được yêu cầu chung khi viết một VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Tuần: Ngày soạn:*

*Tiết: Ngày dạy:*

**Đọc mở rộng theo thể loại:**

**TIẾNG ĐÀN GIẢI OAN**

**(Truyện thơ Nôm khuyết danh)**

**I. Mục tiêu**

***1. Về năng lực:***

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật,lời thoại.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

***2. Về phẩm chất:***

- Thấu hiểu và đồng cảm với khát vọng về công lí của con người.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

- Phiếu học tập

**2. Học liệu**

- Video, tài liệu liên quan đến nội dung bài học

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU/ CHUẨN BỊ ĐỌC**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến VB; tạo tâm thế trước khi đọc.

**b. Nội dung**: Hướng dẫn HS chia sẻ ý tưởng, suy nghĩ liên quan đến nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | *Cho HS xem video kể chuyện cổ tích “Thạch Sanh”.*  *- Trong truyện, nhân vật Thạch Sanh đã phải chịu những nỗi bất công nào?*  *- Những nỗi bất công ấy nhờ đâu mà được sáng tỏ?* | Chia sẻ của HS |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS hoạt động cá nhân: theo dõi, quan sát, suy nghĩ |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | HS trả lời cá nhân |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, chuyển dẫn vào bài |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Đọc diễn cảm VB và nêu thắc mắc.

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn HS đọc văn bản

**c. Sản phẩm:** Phần đọc và trả lời câu hỏi của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - Hướng dẫn HS tìm hiểu từ khó.  - GV yêu cầu HS đọc diễn cảm, nêu thắc mắc (nếu có). | **I. Trải nghiệm cùng văn bản** |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS lắng nghe làm theo hướng dẫn |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | *- HS đọc diễn cảm văn bản* |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét hoạt động đọc. |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật,lời thoại.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Nội dung**:

- GV cho HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm

- HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm trưng bày sản phẩm

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | \*Trước buổi học, GV hướng dẫn HS chia lớp thành 5 nhóm, giao 5 PHT cho các nhóm về nhà hoàn thiện.  \*Lên lớp: tổ chức trò chơi HÁI HOA DÂN CHỦ  - Luật chơi:  + Có 5 bông hoa tương ứng với 5 nhiệm vụ cần hoàn thành (là các PHT từ 1 🡪 5).  + Các nhóm cử đại diện lên bốc thăm chọn nhiệm vụ.  + Các nhóm có thời gian 5p để hoàn thành nhiệm vụ.  + Hết thời gian, các nhóm cử đại diện lên báo cáo.  + 3 nhóm có sản phẩm tốt nhất sẽ nhận được phần thưởng từ GV.  - Sau khi tìm hiểu xong NV Thạch Sanh, GV nêu câu hỏi:  Cây đàn của Thạch Sanh có đặc điểm gì? Đó có phải là một nhân vật hay không? Vì sao? | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Một số yếu tố của truyện thơ Nôm**  **a. Cốt truyện** |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS làm việc nhóm thực hiện nhiệm vụ  - GV theo dõi, hướng dẫn |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | - Đại diện các nhóm lên báo cáo. |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận. |
| |  | | --- | | **Phiếu tìm hiểu cốt truyện thơ Nôm** | | **Tóm tắt truyện thơ Nôm Thạch Sanh:** Ngày xưa có đôi vợ chồng nghèo tuy đã lớn tuổi nhưng vẫn chưa có con. Thương họ hiền lành, lương thiện Ngọc Hoàng bèn sai thái tử xuống làm con. Thạch Sanh sinh ra không được bao lâu thì cha mẹ mất, chàng sống trong túp lều cũ kĩ. Một lần tình cờ gặp Lí Thông và được hẳn rủ về sống chung. Để thoát nạn làm vật hiến tế cho Chăn tinh, Lí Thông đã lừa Thạch Sanh đi thế thân cho mình. Thạch Sanh giết chết chằn tinh nhưng bị Lí Thông cướp công. Gặp đại bàng bắt công chúa, Thạch Sanh dùng cung tên bắn đại bàng, cứu được công chúa nhưng lại bị Lí Thông hãm hại, cướp công. Trong động đại bàng, Thạch Sanh cứu con trai vua thủy tề và được tặng chiếc đàn thần. Hồn của chằn tin và đại bằng hiện lên báo thù khiến Thạch Sanh bị nhốt vào ngục. Từ khi công chúa trở về, nàng không nói, không cười. Chỉ khi nghe tiếng đàn của Thạch Sanh, công chúa bỗng cười nói vui vẻ, kể rõ sự tình cho nhà vua. Hiểu ra sự việc vua không giết mẹ con Lí Thông nhưng trên đường về nhà, chúng bị sét đánh và hóa thành bọ hung. Thạch Sanh lấy công chúa. Thấy vậy các nước chư hầu tức giận đem quân sang đánh. Trước sự tấn công 18 nước chư hầu, Thạch Sanh đã dùng niêu cơm thần để chiến thắng giặc và được nhường ngôi vua. | | **Cốt truyện Thạch Sanh theo mô hình:** Ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ. |   b. Nhân vật  \* Nhân vật Thạch Sanh   |  |  | | --- | --- | | **Phiếu tìm hiểu sự kiện và nhân vật trong “Tiếng đàn giải oan”** | | | **1. Tóm tắt các sự kiện được kể trong “Tiếng đàn giải oan”:**  - Thạch Sanh bị nhốt vào ngục, hỏi thăm mới biết Lý Thông là người hại mình nhưng cũng không oán hờn, phàn nàn.  - Thạch Sanh gảy đàn, tiếng đàn đã nói hộ những oan tình của chàng, trách người bạc ác, phũ phàng.  - Công chúa nghe tiếng đàn thì hết câm, kể lại cho vua cha mọi việc và xin vua cha cho gặp người gảy đàn. | | | **2. Nhân vật** | - Những nhân vật xuất hiện trong đoạn trích là: Thạch Sanh, lính gác ngục, công chúa, nhà vua.  - Nhân vật chính là: Thạch Sanh  - Phẩm chất nhân vật chính: Thạch Sanh là người rất hiền lành, tốt bụng. Biết Lý Thông hại mình nhưng cũng không oán thán, kêu ca. Nhưng tác giả đã khéo mượn tiếng đàn để nói hộ Thạch Sanh những oan khuất của chàng.  - Đặc điểm, tính cách của nhân vật Thạch Sanh trongVB này được thể hiện qua hành động, tâm trạng. |   Cây đàn của Thạch Sanh không phải là một cây đàn bình thường mà là cây đàn biết nói lên sự thật. Nó được xây dựng như một nhân vật để nói hộ những oan khuất của Thạch Sanh.  \* Nhân vật kì ảo - cây đàn   |  |  | | --- | --- | | **Đọc những câu thơ về chi tiết cây đàn cùng truyện cổ tích “Thạch Sanh” hoàn thành phiếu** | | | Những điều tiếng đàn nói giúp Thạch Sanh | Tiếng đàn giúp Thạch Sanh được giải oan vì đã nói lên tiếng nói bênh vực người có công, tố cáo kẻ gian xảo, cướp công, gây tội ác, bất nhân, bất nghĩa.. | | Tác động của tiếng đàn đến nhân vật khác | Tiếng đàn đã tác động đến công chúa Quỳnh Nga, giúp nàng đang rầu rĩ, bị câm bỗng nhiên cười cười, nói nói kể lại hết các chuyện đã xảy ra cho vua cha. | | So sánh tiếng đàn trong đoạn trích với tiếng đàn trong truyện cổ tích “Thạch Sanh” | - Tương đồng: cả hai đều kể việc tiếng đàn thần biết nói giúp nỗi oan tình của Thạch Sanh, giúp công chúa hồi tỉnh, hết bị câm.  - Khác biệt: truyện thơ *Thạch Sanh* được kể bằng thơ nên sẽ giàu nhạc điệu, hình ảnh, giúp miêu tả tiếng đàn một cách rõ nét, đậm chất trữ tình hơn. |   GV chốt:  - Là nhân vật đại diện cho công lí, nói lên tiếng nói bênh vực người có công, tố cáo kẻ gian xảo, cướp công, gây tội ác, bất nhân, bất nghĩa..  🡪 Tượng trưng cho khát vọng công lí của nhân dân.  2. Chủ đề văn bản   |  |  | | --- | --- | | **Đọc “Tiếng đàn giải oan” hoàn thành phiếu** | | | Chủ đề văn bản | - Người ở hiền thì sẽ gặp lành. Dù Thạch Sanh không oán hờn, tố cáo Lý Thông nhưng tiếng đàn thần đã giải oan cho chàng. | | Căn cứ xác định chủ đề | - Dựa vào các chi tiết trong VB. Ví dụ Thạch Sanh không oán hờn phàn nàn khi biết Lý Thông hại mình nhưng tiếng đàn thần đã nói hộ nỗi oan của chàng, trách kẻ ăn ở bất nhân. |   3. Nội dung bao quát và thông điệp văn bản   |  |  | | --- | --- | | **Đọc “Tiếng đàn giải oan” hoàn thành phiếu** | | | **Nội dung bao quát của văn bản** | - Thạch Sanh bị Lý Thông lừa giam vào ngục. Dù chàng đã biết Lý Thông hại mình nhưng với bản tính nhân từ, Sanh không oán thán, phàn nàn. Chàng buồn nên mang đàn ra gảy nhưng tiếng đàn thần đã nói hộ những oan tình của Thạch Sanh. Khi nghe tiếng đàn, công chúa vui mừng và hết bị á khẩu. Nàng giãi bày mọi sự cho vua cha và vua cha truyền gọi Thạch Sanh ngay. | | **Thông điệp văn bản** | - Người ngay thẳng, thật thà dù trải qua sóng gió nhưng sẽ luôn gặp điều lành. | | | |

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức bài học vào giải bài tập.

**b. Nội dung**: Tổ chức trò chơi “GIẢI CỨU CÔNG CHÚA”

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS cho câu 7 trong SGK.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức trò chơi “GIẢI CỨU CÔNG CHÚA”  **1. Cốt truyện thơ Nôm Thạch Sanh cấu tạo theo mô mình nào của tuyện thơ Nôm?**  Ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ.  **2. Nhân vật chính trong đoạn trích “Tiếng đàn giải oan” là ai?**  Thạch Sanh  **3. Đặc điểm, tính cách của nhân vật Thạch Sanh chủ yếu được thể hiện qua:**  Đặc điểm, tính cách của nhân vật Thạch Sanh được thể hiện qua hành động, tâm trạng.  **4. Nhân vật nào trong “Tiếng đàn giải oan” đã nói hộ những oan khuất của Thạch Sanh.**  Cây đàn  **5. Cây đàn trong văn bản tượng trưng cho điều gì?**  Tượng trưng cho khát vọng công lí của nhân dân.  **6. Đoạn trích sau là lời của ai:**  Rằng: “Từ phải nạn đến nay,  Làm sao con cứ chẳng hay nói mà?  Làm cho chua xót lòng cha,  Cầu trời khấn Phật, kể đà hết hơi.”  **Lời của nhà vua**  **7. Chủ đề văn bản “Tiếng đàn giải oan” là gì?**  Ở hiền thì sẽ gặp lành  **8. Văn bản “Tiếng đàn giải oan” muốn gửi đến ta thông điệp gì?**  Người ngay thẳng, thật thà dù trải qua sóng gió nhưng sẽ luôn gặp điều lành.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**IV. Hồ sơ dạy học**

**PHT số 1**

|  |
| --- |
| **Phiếu tìm hiểu cốt truyện thơ Nôm** |
| **Tóm tắt truyện thơ Nôm Thạch Sanh:** |
| **Cốt truyện Thạch Sanh theo mô hình:** |

**PHT số 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu tìm hiểu sự kiện và nhân vật trong “Tiếng đàn giải oan”** | |
| **1. Tóm tắt các sự kiện được kể trong “Tiếng đàn giải oan”:** | |
| **2. Nhân vật** | - Những nhân vật xuất hiện trong đoạn trích là:  - Nhân vật chính là:  - Phẩm chất nhân vật chính:  - Đặc điểm tính cách của nhân vật được thể hiện qua: |

**PHT số 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đọc những câu thơ về chi tiết cây đàn cùng truyện cổ tích “Thạch Sanh” hoàn thành phiếu** | |
| Những điều tiếng đàn nói giúp Thạch Sanh |  |
| Tác động của tiếng đàn đến nhân vật khác |  |
| So sánh tiếng đàn trong đoạn trích với tiếng đàn trong truyện cổ tích “Thạch Sanh” | - Tương đồng:  - Khác biệt: |

**PHT số 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đọc “Tiếng đàn giải oan” hoàn thành phiếu** | |
| Chủ đề văn bản |  |
| Căn cứ xác định chủ đề |  |

**PHT số 5**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đọc “Tiếng đàn giải oan” hoàn thành phiếu** | |
| **Nội dung bao quát của văn bản** |  |
| **Thông điệp văn bản** |  |

**Ngày soạn: …./…./2024**

**VIẾT:**

*Tiết:*

*VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC*

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

1. **Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

**1.2. Năng lực đặc thù**

– Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

– Viết được một VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

**2. Phẩm chất**

Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.

**II- THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Giấy A0 hoặc bảng phụ.

- Phiếu học tập.

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**2. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**3. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**4. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS: *Em hiểu thế nào là nghị luận phân tích một tác phẩm văn học? Mục đích của nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là gì? Những việc cần làm để thực hiện viết một bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là gì?*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm và các yêu**

***1. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ viết.

**2. Nội dung**: *Em hiểu thế nào là nghị luận phân tích một tác phẩm văn học? Mục đích của nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là gì? Những việc cần làm để thực hiện viết một bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là gì?*

***3. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***4. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ sau:  (1) Liệt kê những điều đã biết về kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học trong thời gian 2 phút, có thể dựa trên những câu hỏi gợi ý sau: Thế nào là một bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học đạt yêu cầu? Làm thế nào để viết được một bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học hấp dẫn người đọc?  (2) Em muốn được rèn luyện thêm kĩ năng gì đối với kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học ở bài học này?  - HS thực hiện nhiệm vụ  *\****Bước 2:** *Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\****Bước 3:**  *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 –2 nhóm HS trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). Hoặc tất cả các nhóm cùng dán/ đính câu trả lời lên bảng phụ.  *\****Bước 4:** *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Khái niệm***  Phân tích một tác phẩm văn học thuộc kiểu bài nghị luận văn học, trong đó người viết dùng lí lẽ, bằng chứng, để làm sáng tỏ chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả của nó đối với việc thể hiện nội dung của tác phẩm.  ***2.Yêu cầu***  - Về nội dung  - Về hình thức Sgk/46  -Về bố cục |

**Hoạt động 2: Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

***1. Mục tiêu:***

– Nhận biết các yêu cầu về kiểu VB thông qua việc đọc và phân tích VB mẫu trong SGK.

– Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

**2. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3***. Sản phẩm:*** Các câu trả lời của HS về yêu cầu của bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học thông qua việc phân tích VB mẫu.

***4. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1:**  *Giao nhiệm vụ học tập*:  (1) Nhóm 2 HS đọc thầm ngữ liệu trong SGKvà thực hiện nhiệm vụ:  – Đối chiếu những phần được đánh số với khung chứa thông tin tương ứng, chỉ ra những từ ngữ cụ thể trong bài viết tại những vị trí ấy thể hiện đặc điểm của kiểu VB được nhắc đến trong khung chứa thông tin.  – Trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích ngữ liệu tham khảo trong SGK.  GV nhắc HS khi làm việc nhóm cần chủ động đề xuất mục đích hợp tác và nỗ lực đạt được mục đích đó.  **Bước 2** *\* Thực hiện nhiệm vụ*: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 3***\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 nhóm HS xác định những từ ngữ cụ thể trong bài thể hiện đặc điểm của kiểu VB được nhắc đến trong các khung chứa thông tin. Những nhóm khác nghe, bổ sung. Sau đó, 1 – 2 nhóm HS khác tiếp tục trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích ngữ liệu tham khảo. Các nhóm khác nhận xét.  **Bước 4***\* Kết luận, nhận định:*  – GV nhận xét phần xác định của HS, hướng dẫn HS chỉ ra sự thể hiện của đặc điểm kiểu bài qua một số từ ngữ cụ thể trên bài viết.  - GV nhận xét quá trình làm việc nhóm của HS thông qua việc quan sát. GV chú ý đánh giá mức độ chủ động của HS trong việc đề xuất mục đích hợp tác trước khi các em bắt đầu thảo luận. | **II. Phân tích ví dụ**  **Câu 1:** Các câu văn thể hiện luận điểm của bài viết: ***Về hình thức nghệ thuật, nét độc đáo đầu tiên làm nên sức hấp dẫn của đoạn trích chính là nghệ thuật miêu tả nhân vật*; *Hình thức nghệ thuật của đoạn trích còn hấp dẫn người đọc ở sự kết hợp tài tình giữa yếu tố tự sự và trữ tình*; *Bên cạnh đó, đoạn trích còn thể hiện chủ đề tiêu biểu cho giá trị nội dung của Truyện Kiều: bức tranh hiện thực của một xã hội tha hoá vì đồng tiền và tấm lòng nhân đạo sâu sắc của tác giả*.**  **Câu 2:** Bài viết đã phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều*: nghệ thuật miêu tả nhân vật, sự kết hợp tài tình yếu tố tự sự và trữ tình.  **Câu 3:** Nội dung chủ đề của đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều* được làm rõ qua những phương diện: các sự việc chính được kể, chân dung các nhân vật, cách sử dụng ngôn ngữ kể chuyện. Một số điểm cần chú ý khi phân tích chủ đề của một truyện thơ:  – Xác định chủ đề chính của truyện thơ.  – Chủ đề có thể được biểu hiện qua những phương diện hình thức mang đặc trưng của thể loại truyện thơ: cốt truyện, tính chất các sự việc được kể, cách xây dựng nhân vật của truyện thơ, lời của người kể chuyện và lời nhân vật (gồm đối thoại, độc thoại),…  **Câu 4:** Các đoạn văn trong bài viết thường được viết theo kiểu diễn dịch. Tác dụng:  – Giúp người đọc dễ dàng tiếp nhận nội dung chính của đoạn.  – Giúp người viết triển khai các câu còn lại hướng đến làm rõ câu chủ đề và kiểm soát được mối quan hệ giữa các câu chủ đề với luận đề của bài viết; nhờ đó tránh được việc lạc đề; lan man, xa đề,…  **Câu 5:** Các phương tiện và phép liên kết được sử dụng trong bài viết:  – HS có thể chỉ ra một số phép liên kết được sử dụng trong bài viết với những phương tiện tương ứng như: phép nối, phép lặp, phép thế, phép liên tưởng,…  – Tác dụng: tạo sự liên kết chặt chẽ, mạch lạc cho bài viết.  **Câu 6**: HS tự rút ra những điều cần lưu ý khi phân tích đoạn trích của truyện thơ; trong đó cần chú ý đến việc tìm hiểu vị trí của đoạn trích trong toàn bộ VB truyện thơ; một số hiểu biết cơ bản về truyện thơ chứa đoạn trích,… |

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

**1. Mục tiêu:** Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

**2. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1** *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS đọc phần hướng dẫn quy trình viết trong SGK, sau đó trả lời câu hỏi: Quy trình viết bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học được trình bày ở bài học này có điểm gì giống và khác với quy trình viết tương tự được đề cập ở bài 2? Theo em, điểm cần chú ý nhất về quy trình viết của kiểu bài này là gì? Vì sao?  **Bước 2** *\* Thực hiện nhiệm vụ*: HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3** *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét.  **Bước 4** *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và hướng dẫn HS rút ra những điểm giống và khác trong quy trình viết bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học ở bài học này với quy trình viết được đề cập ở bài 2  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **III. Thực hành**  **Đề bài:** Câu lạc bộ văn học trường em phát động cuộc thi viết: “ Tác phẩm văn học trong tôi”. Em hãy chọnmôttj tác phẩm văn học mình yêu thích để viết bài nghị luận và gửi cho ban tổ chức cuộc thi.  \* Quy trình viết gồm 4 bước:  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**  **Bước 3: Viết bài**  **Bước 4: Xem lại và chỉnh sủa, rút kinh nghiệm** |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

**1. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**2. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**3. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1** *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm HS đọc đề bài trong SGK và thực hiện các nhiệm vụ sau:

(1) Trả lời các câu hỏi:

– Đề tài của bài viết này là gì? Bài viết này thuộc kiểu VB gì?

– Em chọn viết về tác phẩm truyện, thơ nào? Vì sao?

– Mục đích viết bài này là gì?

– Người đọc bài viết của em có thể là ai? Họ có thể đã biết gì về đề tài em sẽ giới thiệu? Họ mong đợi điều gì từ bài viết này?

**Bước 2:** *\* Thực hiện nhiệm vụ*:

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài: Viết 1 đoạn mở bài, 1 đoạn kết bài

**Bước 3** *\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày đoạn văn viết

**Bước 4** *\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét câu trả lời và kết quả chuẩn bị tư liệu của HS.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG**

***1. Mục tiêu:*** Vận dụng được kĩ năng viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn họcđể phát hiện và điều chỉnh hạn chế của bài viết.

**2. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

***3. Sản phẩm:*** Bài văn có chỉnh sửa (lần 2) của HS.

4***. Tổ chức thực hiện:***

**Bước1** *\* Giao nhiệm vụ học tập*:Từ kết quả nhận xét, đánh giá của bạn và GV, HS tự rút kinh nghiệm và tiếp tục đọc lại bài viết của mình lần thứ 2 để tự thực hiện chỉnh sửa.

**Bước 2** *\* Thực hiện nhiệm vụ*: Cá nhân HS về nhà thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3** *\* Báo cáo, thảo luận:* HS công bố sản phẩm đã hoàn thành trên lớp học ảo của lớp (GV có thể chọn hình thức công bố sản phẩm của HS phù hợp với điều kiện thực tế).

**Bước 4***\* Kết luận, nhận định:* GV và HS tiếp tục sử dụng bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với sản phẩm đã được công bố.

**Nói và nghe:**

**THỰC HIỆN CUỘC PHỎNG VẤN**

Môn học: Ngữ Văn 9

(Thời gian thực hiện: 02 tiết)

**I- MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Kĩ năng thực hiện một cuộc phỏng vấn.

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực chung:**

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2.2. Năng lực đặc thù:**

Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: ghi chép lại những nội dung phần trình bày của người khác.

- Trách nhiệm: biết lắng nghe, đánh giá, trân trọng ý kiến người khác, trình bày, chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

**II- THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Giấy A0 hoặc bảng phụ.

- Phiếu học tập.

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến phỏng vấn và những việc cần chuẩn bị để tiến hành một cuộc phỏng vấn.

**b. Nội dung:** *Em hiểu thế nào là phỏng vấn, mục đích của phỏng vấn là gì? Những việc cần làm để thực hiện một cuộc phỏng vấn là gì?*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**

(như mục nội dung)

**\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

Cá nhân HS tìm câu trả lời, sau đó chia sẻ với bạn.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Một số HS trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định**

Gv tổng hợp ý kiến của HS và dẫn dắt vào bài học.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Xác định được những thao tác cần thực hiện để tiến hành một cuộc phỏng vấn.  **b. Nội dung:** vẽ sơ đồ tóm tắt các bước cần tiến hành để thực hiện một cuộc phỏng vấn.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS đọc SGK và tóm tắt ý chính vào bảng quy trình.  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  HS trình bày sản phẩm trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  GV kết luận, nhận định về quy trình nói và nghe dựa vào bảng tiêu chí đánh giá   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Nội dung | Đảm bảo đầy đủ 3 bước |  |  | | Đầy đủ nội dung chính của các bước |  |  | | Hình thức | Sử dụng từ khóa |  |  | | Màu sắc, bố cục hài hòa |  |  | | Trang trí hợp lí |  |  | | **I. Cách thực hiện một cuộc phỏng vấn**  Bước 1:Chuẩn bị trước khi phỏng vấn  Bước 2: Tiến hành phỏng vấn  Bước 3: Sau khi phỏng vấn |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập – thực hành nói và nghe**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.  **b. Nội dung:**  Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ sau:  (1) Đọc SGK, xác định tình huống và vai mà từng thành viên đảm nhận trong cuộc phỏng vấn.  (2) Thảo luận để xác định những nội dung cần *chuẩn bị trước khi phỏng vấn*  (3) Đóng vai thực hiện phỏng vấn (HS lần lượt đổi vai để tiến hành phỏng vấn).  (4) HS đóng vai phóng viên đọc lại nội dung phỏng vấn cho HS đóng vai người được phỏng vấn nghe để kiểm tra tính đầy đủ, chính xác và trung thực của thông tin.  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  (như mục nội dung mục 1, 2,3,4)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thực hiện hai nhiệm vụ được phân công.  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  Đại diện 1 – 2 thực hiện phần phỏng vấn trước lớp. Các nhóm khác dùng bảng kiểm kĩ năng phỏng vấn trong SGK để đánh giá phần thực hiện của nhóm trình bày.  ***\*B4: Kết luận, nhận định*:**  GV nhận định, tổng kết dựa trên ý kiến của HS. | **II. Thực hành kĩ năng phỏng vấn**  \* Chủ đề: Sgk.146 |
| ***Bảng kiểm kĩ năng phỏng vấn***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Cuộc phỏng vấn có đầy đủ 3 phần: mở đầu, phần chính, kết thúc |  |  | | Chào hỏi người được phỏng vấn |  |  | | Giới thiệu về người phỏng vấn, người được phỏng vấn |  |  | | Giới thiệu được mục đích/nội dung của cuộc phỏng vấn |  |  | | Làm rõ nội dung cần phỏng vấn bằng hệ thống câu hỏi phù hợp |  |  | | Cảm ơn và chức sức khỏe người được phỏng vấn sau khi kết thúc |  |  | | Nói năng lưu loát, diễn đạt mạch lạc |  |  | | Người phỏng vấn và người được phỏng vấn có thái độ lịch sự, tôn trọng lẫn nhau |  |  | | |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Thực hiện được cuộc phỏng vấn ngắn

**b.** **Nội dung:** *Em hãy đóng vai phóng viên của đài VTV để phỏng vấn các bạn về vấn đề học môn Lịch sử hiện nay.*

**c.** **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV quan sát, gợi mở, hỗ trợ (nếu cần).

- HS suy nghĩ cá nhân.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Trình bày cá nhân.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS.

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU** *Học sinh đạt được:*

**1. Kiến thức**

- Một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam.

-Đặc trưng của các loại/ thể loại: thơ; VB nghị luận; VB thông tin giới thiệu một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử; truyện truyền kì, truyện thơ.

- Tiếng Việt: Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần; cách tham khảo và trách dẫn tài liệu để tránh đạo văn; phương tiện phi ngôn ngữ; cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và việc sử dụng dấu câu; một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ; điển tích, điển cố.

- Cách VB theo đặc trưng các loại/ thể loại như: thơ; VB nghị luận; VB thông tin giới thiệu một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử; truyện truyền kì, truyện thơ.

**2. Năng lực**

***a. Năng lực đặc thù***

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

***b. Năng lực chung***

Tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

- Hệ thống được những kiến thức, kĩ năng đã học trong học kì I.

- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học trong học kì I để giải quyết những tình huống tương tự.

**3. Phẩm chất**

Chăm chỉ: Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu PHT, sơ đồ, biểu bảng,…

- Giấy A1 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT: GV có thể chuyển một số câu hỏi trong SGK thành PHT.

- Sơ đồ, biểu bảng.

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm câu trả lời/ PHT của HS.

**2. Học liệu**

Tri thức Ngữ văn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

***a. Mục tiêu****:* Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

***b. Nội dung****:* HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV.

***c. Sản phẩm:*** HS liệt kê những nội dung đã học.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

? Em đã học những nội dung nào trong học kì 1?

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*

- HS lắng nghe và hoạt động cá nhân.

- GV theo dõi, quan sát HS.

*\* Báo cáo, thảo luận:*

- HS được trả lời cá nhân theo tinh thần tự chủ động

*\* Kết luận, nhận định:*

- GV nhận xét, chốt kiến thức, dẫn dắt vào bài học.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (ÔN TẬP)**

**2.1. ÔN TẬP NỘI DUNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VÀ TIẾNG VIỆT**

***a. Mục tiêu****:*

- Hệ thống hoá những đặc trưng của các thể loại đã học trong học kì I.

- Vận dụng kiến thức về tiếng Việt để giải quyết nhiệm vụ đọc hiểu.

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

***b. Nội dung****:* GV hướng dẫn HS làm việc nhóm soạn bài trên ppt hoặc giấy khổ A0, trình bày sản phẩm đã được giao (ở nhà) để ôn lại các nội dung kiến thức đã học.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập của phần Đọc và tiếng Việt.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

– Ở nhà: Nhóm 2 HS trả lời các câu hỏi ôn tập phần Đọc trong và phần tiếng Việt trong SGK.

– Trên lớp: Nhóm 4 HS (gộp 2 cặp HS lại) trao đổi kết quả làm việc ở nhà với nhau.

Lưu ý về phần Đọc:

**Câu 4:** HS xem lại mục *Đôi nét về lịch sử văn học Việt Nam*, Bài 5. *Khát vọng công lí* trước khi thực hiện nhiệm vụ học tập. Tiếp theo, HS rà soát lại trong số những VB đã học ở học kì I, xác định VB nào là VB văn học của văn học Việt Nam, sau đó dựa vào phương thức và phương tiện sáng tác, lưu truyền để phân loại và sắp xếp các VB vào bảng tóm tắt theo yêu cầu của bài tập.

**Câu 5:** HS xem lại đặc điểm của các loại/ thể loại VB đã học ở học kì I để thực hiện nhiệm vụ.

**Câu 6:** HS xem lại mục *Truyện truyền kì* của phần *Tri thức Ngữ văn* (Bài 9). *Con người trong thế giới kì ảo* và mục *Truyện thơ Nôm* của phần *Tri thức Ngữ văn* (Bài 5). *Khát vọng công lí* để thực hiện nhiệm vụ.

**Câu 7:** Trước tiên, cá nhân HS xem lại kết quả đọc hiểu từng VB *Đọc mở rộng theo thể loại* ở từng bài học để thực hiện nhiệm vụ học tập. Từng cá nhân HS chỉ cần chỉ ra tối thiểu một nét đặc sắc về nội dung và hình thức ở từng VB. Sau đó, HS trao đổi theo nhóm để chia sẻ kết quả đọc mở rộng với nhau.

**Câu 8:** HS xem lại đơn vị bài học có liên quan đến VB nghị luận và VB thông tin; từ đó rút ra những kinh nghiệm cụ thể ứng với việc học đọc hiểu từng loại VB. Để làm tốt câu hỏi này, HS cần xem lại hồ sơ đọc lưu trữ hoặc tài liệu ghi chép/ nội dung thực hiện các nhiệm vụ học tập về phần Đọc đã hoàn thành ở từng bài học. HS chỉ cần nêu được ít nhất một kinh nghiệm ở từng bài học, mỗi kinh nghiệm nên được trình bày dưới dạng một cụm động từ.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

*\* Báo cáo, thảo luận:*

– Trước tiên: nhóm 2 HS trao đổi bài trong nhóm 4 HS. Các nhóm 2 HS sẽ bổ sung, điều chỉnh kết quả làm việc ở nhà dựa trên nội dung trao đổi.

– Sau đó, đại diện một vài nhóm 4 HS trình bày nội dung trả lời của mình theo từng câu hỏi. Các nhóm HS khác trao đổi, nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*

– GV nhận xét thái độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà của các nhóm HS.

– GV nhận xét câu trả lời của HS, kết luận theo gợi ý tham khảo sau:

**PHẦN ĐỌC**

**Câu 1:**

– Đặc điểm của ngôn ngữ thơ: hàm súc, ngắn gọn, giàu hình ảnh, gợi nhiều hơn tả, giàu nhạc điệu, được tổ chức thành một cấu trúc đặc biệt: có vần, nhịp, thanh điệu, đối...

– Khi đọc thơ, cần đọc thành tiếng/ đọc diễn cảm để làm sống dậy hiệu quả tác động của các yếu tố như vần, nhịp, thanh điệu, đối,… của ngôn ngữ thơ; đồng thời giúp người đọc hình dung, cảm nhận rõ hơn về thế giới nội tâm của nhà thơ được thể hiện qua ngôn ngữ thơ. Từ đó, ngôn ngữ thơ có thể dễ dàng tác động trực tiếp đến cảm xúc của người đọc.

**Câu 2:** Đáp án D.

**Câu 3:** Đáp án A.

**Câu 4:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các bộ phận của văn học Việt Nam** | | **Tên văn bản văn học đã học ở học kì I** |
| Văn học dân gian | | Không có |
| Văn học viết | Văn học chữ Hán | *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)  *Truyện lạ nhà thuyền chài* (Lê Thánh Tông) |
| Văn học chữ Nôm | *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* (Trích *Truyện Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu)  *Thuý Kiều báo ân, báo oán* (Trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du)  *Tiếng đàn giải oan* (Truyện thơ Nôm khuyết danh) |
| Văn học chữ Quốc ngữ | *Quê hương* (Tế Hanh)  *Bếp lửa* (Bằng Việt)  *Vẻ đẹp của Sông Đà* (Nguyễn Tuân)  *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải)  *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp) |

**Câu 5:**

1. Truyện thơ; 2. Truyện truyền kì; 3. VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử; 4. VB nghị luận; 5. Thơ; 6. Bài phỏng vấn.

**Câu 6:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung so sánh** | **Truyện truyền kì** | **Truyện thơ Nôm** |
| Điểm giống nhau | Thể loại tự sự của văn học viết | |
| Điểm khác nhau | * Viết bằng chữ Hán * Thể loại tự sự được viết bằng văn xuôi, phát triển mạnh ở thế kỉ XVI – XVII. * Cốt truyện: thường sử dụng yếu tố kì ảo, tạo nên những biến đổi bất ngờ và hợp lí hoá những điều ngẫu nhiên, bất bình thường. * Nhân vật:…… * … | – Viết bằng chữ Nôm  – Thể loại tự sự được viết bằng văn vần, chủ yếu là thể thơ lục bát, phát triển mạnh vào cuối thế kỉ XVIII và thế kỉ XIX  – Cốt truyện: thường theo một trong hai mô hình: gặp gỡ (hội ngộ) – tai biến (lưu lạc) – đoàn tụ (đoàn viên), hoặc mô hình nhân – quả (ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ)  – Nhân vật:…  –… |

**Câu 7:** HS tự thực hiện.

**Câu 8:** HS tự thực hiện.

**PHẦN TIẾNG VIỆT**

**Câu 1:**

– Bài 1: Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần: đặc điểm và tác dụng.

– Bài 2: Cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

– Bài 3: Phương tiện phi ngôn ngữ; Nghĩa và cách dùng tên viết tắt của một số tổ chức quốc tế quan trọng.

– Bài 4: Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và việc sử dụng dấu câu.

– Bài 5: Một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ; Điển tích, điển cố: đặc điểm và tác dụng.

**Câu 2**:

– *Ngọc Mỵ Nương*: được gợi lên từ tích “ngọc trai, giếng nước” trong truyền thuyết An Dương Vương và Mỵ Châu – Trọng Thuỷ, ý nói đến chết vẫn giữ lòng trong sáng.

*Cỏ Ngu mĩ*: nhắc đến tích về nàng Ngu Cơ, vợ Hạng Vũ; khi Hạng Vũ thua trận, thế cùng, chạy đến Cai Hạ, nàng rút gươm tự vẫn; tương truyền, hồn Ngu Cơ hoá thành hai khóm cỏ trên mộ, ngày đêm cứ quấn quýt lấy nhau, người ta gọi là cỏ Ngu mĩ nhân, ý nói đến chết vẫn giữ lòng chung thuỷ.

– Tác dụng: việc sử dụng điển *ngọc Mỵ Nương*, *cỏ Ngu mĩ* làm cho việc diễn đạt trở nên hàm súc, giàu sức biểu hiện, gián tiếp bộc lộ thái độ của tác giả đối với Vũ Nương: cảm thương cho nỗi oan khuất và khẳng định tấm lòng thuỷ chung, trong sáng của nàng.

**Câu 3:**

a.Biện pháp tu từ chơi chữ: *Chữ* ***tài*** *liền với chữ* ***tai*** *một vần* 🡪 Biện pháp tu từ chơi chữ được sử dụng dựa trên lối nói gần âm. Tác dụng: mang đến một ý nghĩa bất ngờ cho câu thơ, ***tài*** và ***tai*** vốn chỉ khác nhau ở thanh điệu nhưng nghĩa thì hoàn toàn đối nghịch sau. Theo sự chiêm nghiệm đúc kết của tác giả thì những người tài sắc vẹn toàn thường gắn với những tai ương, gian truân, khó khăn trong cuộc đời.

b. Biện pháp tu từ chơi chữ: ***Hồng quân*** *với khách* ***hồng quần*** 🡪Biện pháp tu từ chơi chữ được sử dụng dựa trên lối nói gần âm. Tác dụng: tạo ra ý nghĩa bất ngờ, thú vị cho câu thơ. ***Hồng quân*** vốn được dùng để chỉ trời, đấng tạo hoá; còn ***hồng quần***dùng để chỉ người con gái trẻ đẹp thời phong kiến. Hai từ ngữ này có âm gần giống nhau nhưng nghĩa lại rất khác nhau (***hồng quân***: trời,đấng tạo hoá có quyền sắp xếp sự vận hành của vũ trụ, quyết định số phận mọi sinh vật; ***hồng quần***: người con gái trẻ đẹp thời phong kiến không có quyền tự quyết đối với cuộc đời mình).

**2.2. ÔN TẬP NỘI DUNG VIẾT, NÓI VÀ NGHE**

***a. Mục tiêu****:* Hệ thống hoá những kiến thức đã học về viết, nói và nghe ở học kì I.

***b. Nội dung****:* GV hướng dẫn HS ôn lại các nội dung kiến thức đã học.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập của phần Viết, phần Nói và nghe trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

– Ở nhà: Nhóm 2 HS trả lời các câu hỏi của phần Viết và phần Nói và nghe.

Lưu ý về phần Viết:

+ **Câu 1:** HS xem lại các kiểu bài viết đã học ở học kì I để hoàn thành bảng tóm tắt (làm vào vở).

+ **Câu 2:** HS xem lại kiểu bài viết đã học ở Bài 2. *Giá trị của văn chương* và Bài 5. *Khát vọng công lí* để thực hiện nhiệm vụ.

Lưu ý về phần Nói và nghe:

**Câu 1:** HS xem lại nội dung dạy học về kĩ năng nói và nghe ở Bài 1. *Thương nhớ quê hương* để thực hiện nhiệm vụ. HS lưu ý những thao tác cần thực hiện ở hai giai đoạn: *Chuẩn bị* và *thảo luận*. Chú ý thảo luận có hai hình thức là *thảo luận trong nhóm nhỏ* và *thảo luận giữa các nhóm*.

– Trên lớp: Nhóm 4 HS (gộp 2 cặp HS lại) trao đổi kết quả làm việc ở nhà với nhau.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

*\* Báo cáo, thảo luận:*

– Trước tiên, nhóm 2 HS trao đổi bài trong nhóm 4 HS. Các nhóm 2 HS sẽ bổ sung, điều chỉnh kết quả làm việc ở nhà dựa trên nội dung trao đổi.

– Sau đó, đại diện một vài nhóm 4 HS trình bày nội dung trả lời của mình theo từng câu hỏi. Các nhóm HS khác trao đổi, nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*

– GV nhận xét thái độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà của các nhóm HS.

– GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận theo gợi ý tham khảo sau:

**PHẦN VIẾT**

**Câu 1:** HS tự thực hiện.

**Câu 2:**

– Điểm giống nhau: đều mang những đặc điểm và yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

– Điểm khác nhau:

+ Bài 2: Nghị luận phân tích một tác phẩm thơ hoặc truyện.

+ Bài 5: Nghị luận phân tích một đoạn trích của truyện.

**PHẦN NÓI VÀ NGHE**

**Câu 1:** HS tự thực hiện.

**Câu 2:** HS có thể chia sẻ những kinh nghiệm về cách chuyển nội dung bài viết thành bài nói như: đọc kĩ lại bài viết; gạch chân các ý chính, từ ngữ quan trọng; tóm tắt ý bằng hình thức sơ đồ/ danh sách/ bảng biểu/…; xác định những nội dung của bài viết có thể khiến người nghe khó hiểu nếu chỉ được trình bày bằng phương tiện ngôn ngữ; xác định những từ ngữ/ cách diễn đạt không phù hợp với ngôn ngữ nói,…

**Câu 3, câu 4, câu 5:** HS tự thực hiện.

**NHẬN XÉT, DẶN DÒ**

**- Đối với bài học tiết này:**

+ Hoàn thành câu hỏi SGK.

+ Ôn tập tốt kiến thức chuẩn bị cho bài kiểm tra cuối học kì I.

**- Đối với bài học tiết sau: *“Kiểm tra cuối kì I”.***

+ Ôn tập toàn bộ kiến thức đã học và theo hướng dẫn của đề cương ôn tập.

+ Nắm kĩ cách viết các kiểu bài đã học.

**Tiết … Văn bản (3): Đọc kết nối chủ điểm:**

**NHÂN VẬT LÍ TƯỞNG TRONG KẾT THÚC CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH THẦN KÌ**

**(Bùi Mạnh Nhị, Nguyễn Tấn Phát)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung văn bản nghị luận.

– Liên hệ, kết nối với VB *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*; *Thúy Kiều báo ân, báo oán* để hiểu hơn về chủ điểm *Khát vọng công lí.*

**1.2. Năng lực chung**

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

– Năng lực thẩm mỹ.

– Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2. Phẩm chất**

Thấu hiểu và đồng cảm với khát vọng về công lí của con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– Tivi hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video tư liệu liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ học tập cho HS.

– Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm học tập của HS), giấy A4, A0/A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.

– SGK, SGV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho HS khi tìm hiểu văn bản

**b. Nội dung:** HS hoàn thành cột K-W trong phiếu KWL.

**c. Sản phẩm:** Cột K-W trong phiếu KWL của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:**

***B1. Giao nhiệm vụ học tập:***

- GV phát phiếu KWL.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| K | W | L |
| Ghi lại những điều em đã biết về phẩm chất của các nhân vật Thạch Sanh, Tấm, Sọ Dừa và kết thúc các truyện cổ tích về những nhân vật này: | Những điều em muốn biết khi đọc văn bản này? | Ghi lại những điều em tiếp nhận được khi học xong văn bản: |

- HS hoàn thiện cột K-W trong phiếu KWL.

***B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập:*** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

***B3. Báo cáo, thảo luận:*** 2-3 HS trình bày kết quả trước lớp.

***B4. Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét kết quả của học sinh, trên cơ sở đó GV dẫn vào bài.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. HOẠT ĐỘNG ĐỌC, TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:**

- HS thực hành đọc diễn cảm văn bản

- Chuẩn bị cho hoạt động suy ngẫm và phản hồi.

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản

**c. Sản phẩm**: Phần đọc diễn cảm của HS.

**d. Tổ chức hoạt động**

***B1. Giao nhiệm vụ học tập*:**

+ GV cho HS đọc diễn cảm văn bản theo nhóm 4HS, mỗi em trong nhóm đọc một đoạn.

+ GV đến vài nhóm đọc cùng HS.

***B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***: HS đọc văn bản theo nhóm.

***B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:*** HS đọc văn bản theo nhóm.

***B4. Kết luận, nhận định:***

- HS bình chọn nhóm đọc hay nhất.

- GV nhận xét cách đọc của HS.

**II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI:**

**1. Nội dung chính của văn bản:**

**a. Mục tiêu:** Báo cáo sản phẩm đọc kết nối chủ điểm.

**b. Nội dung:** GV tổ chức các hoạt động học để HS báo cáo sản phẩm.

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày kết quả đọc ở nhà của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***B1. Giao nhiệm vụ học tập:*** HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện và chia sẻ với bạn cùng nhóm.  ***B2. Thực hiện nhiệm vụ:*** 4 HS cùng nhóm thảo luận.  ***B3. Báo cáo, thảo luận:***  Đại diện 2 – 3 nhóm HS trả lời lần lượt từng câu hỏi. Các nhóm khác bổ sung, trao đổi (nếu có) theo từng câu hỏi.  ***B4. Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận theo định hướng tham khảo như DKSP. | **Câu 1:** Theo tác giả bài viết, kết thúc của truyện cổ tích thần kì phản ánh ước mơ của quần chúng nhân dân về một xã hội công bằng, ở đó những nhân vật lí tưởng sẽ được đổi đời, có một cuộc sống hạnh phúc, nhận được sự đền đáp xứng đáng cho những nỗ lực, cố gắng của họ, những kẻ thủ ác sẽ phải nhận sự trừng trị đích đáng, cái thiện sẽ luôn luôn chiến thắng cái ác. Những ước mơ ấy thường được thể hiện bằng những cách kết thúc sau của truyện cổ tích thần kì: *nhân vật lí tưởng kết hôn, lên ngôi, (làm vua/ hoàng hậu) sống hạnh phúc, cảnh vật/ cuộc sống xung quanh cũng thay đổi tươi sáng hơn, thay đổi từ hình dạng xấu xí thành xinh đẹp, những kẻ nham hiểm/ tham lam/ tàn bạo sẽ không thể thoát chết,…*).  **Câu 2:** Có thể theo tác giả bài viết, trong truyện cổ tích thần kì, nhân vật đột lốt xấu xí đã vượt qua những thử thách bằng chính đạo đức và tài năng của mình để khôi phục sự tương ứng hài hoà giữa cái bên trong và bên ngoài đẹp đẽ. Chiến thắng của nhân vật đội lốt xấu xí trong các tình huống thử thách được tạo nên bởi đạo đức và tài năng vốn có của họ. Đạo đức và tài năng cũng chính là điều kiện để họ nhận được sự giúp đỡ thần kì của các lực lượng phù trợ nếu có. HS dựa trên cách hiểu ấy để tìm ví dụ minh hoạ từ một truyện cổ tích thần kì mà em đã học. |

**2. Nội dung kết nối chủ điểm:**

**a. Mục tiêu:** HS nhận xét được điểm tương đồng và khác biệt giữa văn bản *Thuý Kiều báo ân, báo oán* với truyện cổ tích thần kì.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi 3 SGK thông qua hoạt động think - write- pair - share.

**c. Sản phẩm:** Tờ giấy ghi câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***B1. Giao nhiệm vụ học tập:*** *GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 SGK* thông qua hoạt động think -write- pair - share.  ***B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập:*** HS suy nghĩ trả lời câu hỏi ra giấy ghi chú => HS bắt cặp - chia sẻ.  ***B3. Báo cáo, thảo luận:*** Một số HS trình bày trước lớp.  ***B4. Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét, định hướng như DKSP. | Cách thể hiện khát vọng khát vọng công lí trong VB *Thuý Kiều báo ân, báo oán* với cách thể hiện khát vọng này trong truyện cổ tích thần kì:  – Có nhiều điểm tương đồng vì trong VB *Thuý Kiều báo ân, báo oán,* Thuý Kiều đã thực hiện đúng theo quan điểm của quần chúng nhân dân về công lí chính nghĩa như: ân đền, oán trả, ở hiền gặp lành, ác giả ác báo. Những kẻ thủ ác cuối cùng cũng bị trừng phạt, những người sống lương thiện, làm việc tốt tất sẽ được thưởng, trả ơn. Nhân vật chính sau chuỗi ngày đau khổ, bất hạnh đã có khoảnh khắc bước lên vị trí cao nhất với tất cả sự cao quý, trang trọng.  – Sự khác biệt hầu như không có, nếu có thì có thể đó là cách thức thực hiện khát vọng. Trong truyện cổ tích thần kì, khát vọng công lí được thể hiện qua việc thưởng phạt dành cho các nhân vật, nhân vật lí tưởng thường nhận được phần thưởng lớn nhất, còn những kẻ gây ra tội ác thì chắc chắn sẽ bị trừng phạt tương xứng. Tuy nhiên, có một số truyện, quyền trừng phạt hay ban thưởng lại không phải do nhân vật chính thực hiện mà đến từ các lực lượng thần kì phù trợ. Trong VB *Thuý Kiều báo ân, báo oán*, nhân vật chính (Thuý Kiều) đã nhận thức rất rõ về những khổ đau, áp bức, bất hạnh mà mình phải chịu đựng nên chính nàng khi được trao quyền đã thực thi công lí chính nghĩa. |

------------------------🕮------------------------

**Tiết … ÔN TẬP BÀI 5**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

Sau khi học xong bài này, HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**1.2. Năng lực chung**

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

– Năng lực thẩm mỹ.

– Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2. Phẩm chất**

Thấu hiểu và đồng cảm với khát vọng về công lí của con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– Tivi hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video tư liệu liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ học tập cho HS.

– Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm học tập của HS), giấy A4, A0/A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.

– SGK, SGV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. TRÌNH BÀY PHẦN CHUẨN BỊ CÁC CÂU HỎI ÔN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS các hoạt động học tập để trình bày các câu hỏi ôn tập đã làm ở nhà.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cho các câu hỏi Ôn tập 1, 2, 3, 4, 5 trong SGK tr.148 của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***B1. Giao nhiệm vụ học tập:***HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.

Câu 1: Đọc lại văn bản Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga, Thuý Kiều báo ân, báo oán, Tiếng đàn giải oan và hoàn thành bảng.

Câu 2: Khi tìm hiểu một truyện thơ, chúng ta cần chú ý những điều gì?

Câu 3: Tìm trong văn bản Truyện Lục Vân Tiên hoặc Truyện Kiều ít nhất một cặp lục bát có sử dụng điển tích, điển cố và cho biết tác dụng của việc sử dụng điển tích, điển cố ấy.

Câu 4: Vẽ sơ đồ bố cục bài viết phân tích một tác phẩm văn học (phân tích nội dung chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật)

Câu 5: Để cuộc phỏng vấn có hiệu quả, chúng cần lưu ý những gì?

***B2. Thực hiện nhiệm vụ:***Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn cùng nhóm đôi.

***B3. Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả phần chuẩn bị. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

***B4. Kết luận, nhận định:***GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thực trọng tâm về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã được học.

**Câu 1:** HS xem lại kết quả thực hiện nhiệm vụ đọc các VB *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga; Thuý Kiều báo ân, báo oán; Tiếng đàn giải oan* để hoàn thành bảng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Đặc điểm nhân vật** | **Đặc điểm lời thoại** |
| *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* | Đặc điểm, tính cách của nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga được thể hiện qua hành động, ngôn ngữ (lời thoại), cụ thể:  – Lục Vân Tiên mang những phẩm chất của người anh húng lí tưởng của nhân dân: anh hùng, hào hiệp, giàu lòng nhân ái, trọng nghĩa khinh tài  – Kiều Nguyệt Nga: gia giáo, nền nếp, hiếu thảo, ân nghĩa thuỷ chung | Ngôn ngữ đối thoại giữa các nhân vật, góp phần thể hiện đặc điểm, tính cách của nhân vật |
| *Thuý Kiều báo ân, báo oán* | Đặc điểm, tính cách của nhân vật Thuý Kiều, Hoạn Thư được thể hiện qua hành động, ngôn ngữ (lời thoại), cảm xúc, cụ thể:  – Thuý Kiều: thấu hiểu đạo lí nhân nghĩa ở đời (*báo ân rồi sẽ trả thù*); cụ thể là *trọng ân nghĩa, vị tha, tế nhị, khéo léo*; *bao dung, độ lượng*; *mạnh mẽ, quyết liệt*,…  – Hoạn Thư: *khôn ngoan, giảo hoạt, thấu hiểu tâm lí đối phương* | Ngôn ngữ đối thoại giữa các nhân vật, góp phần thể hiện đặc điểm, tính cách của nhân vật |
| *Tiếng đàn giải oan* | Đặc điểm, tính cách của nhân vật Thạch Sanh chủ yếu được thể hiện qua hành động, tâm trạng, cảm xúc. Chàng là người rất hiền lành, tốt bụng. Biết Lý Thông hại mình nhưng cũng không oán thán, kêu ca | Ngôn ngữ đối thoại giữa các nhân vật |

**Câu 2:** Khi tìm hiểu một truyện thơ, chúng ta cần chú ý:

**\* Nội dung:**

- Xác định chủ đề, tư tưởng chính của tác phẩm.

- Phân tích các tình tiết, sự kiện trong truyện.

- Nắm bắt các mối quan hệ nhân vật.

- Hiểu rõ ý nghĩa của các chi tiết nghệ thuật.

- Rút ra bài học về cuộc sống từ tác phẩm.

**\* Nghệ thuật:**

- Xác định thể loại truyện thơ.

- Phân tích thể thơ, ngôn ngữ, giọng điệu của tác phẩm.

- Nắm bắt các biện pháp tu từ được sử dụng.

- Đánh giá giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

- Bối cảnh lịch sử - xã hội:

- Tìm hiểu về thời đại mà tác phẩm được sáng tác.

- Hiểu rõ những vấn đề xã hội được phản ánh trong tác phẩm.

- Phân tích ảnh hưởng của bối cảnh lịch sử - xã hội đối với nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**\* So sánh đối chiếu:**

- So sánh tác phẩm với các tác phẩm cùng thể loại khác.

- So sánh tác phẩm với các tác phẩm có cùng chủ đề, tư tưởng.

- So sánh các nhân vật trong tác phẩm với nhau.

**\* Phân tích đánh giá:**

- Đánh giá giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

- Đánh giá đóng góp của tác phẩm đối với nền văn học.

- Nêu nhận xét cá nhân về tác phẩm.

**\* Ngoài ra, khi tìm hiểu một truyện thơ, chúng ta cũng cần chú ý đến những điều sau:**

- Tìm hiểu về tác giả: Quê hương, cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của tác giả.

- Tìm hiểu về quá trình sáng tác tác phẩm: Hoàn cảnh sáng tác, nguồn cảm hứng, chủ đề ban đầu,...

- Tham khảo các tài liệu nghiên cứu về tác phẩm: Bài giảng, bài viết, sách báo,...

**Câu 3:** Trong văn bản *Truyện Lục Vân Tiên* hoặc *Truyện Kiều*

Cặp lục bát sử dụng điển tích, điển cố trong *Truyện Kiều*:

"Trăm năm đành lỗi hẹn hò, Cây đa bỉ bèo nước chảy có khi." (Truyện Kiều, Nguyễn Du)

+ Điển tích: *Trăm năm*: điển tích về sự chia ly, tan vỡ; *Hẹn hò*: điển tích về lời thề, ước hẹn; *Cây đa bỉ bèo nước chảy*: điển tích về sự thay đổi, biến động của thời gian.

+ Tác dụng: Thể hiện sự nuối tiếc, xót xa cho mối tình tan vỡ của Thúy Kiều và Kim Trọng; nhấn mạnh sự vô thường, biến đổi của cuộc đời; tạo nên giá trị nghệ thuật cho câu thơ, giúp câu thơ trở nên hàm súc, gợi cảm hơn.

**Câu 4:** HS tự thực hiện dựa trên hiểu biết của bản thân về đặc điểm của kiểu bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, miễn là bố cục đủ ba phần mở bài, thân bài, kết bài. Sơ đồ cần trình bày tóm tắt được đặc điểm của từng phần trong bố cục.

**Câu 5:** Để cuộc phỏng vấn có hiệu quả, chúng cần lưu ý:

- Trước khi phỏng vấn:

+ Chuẩn bị kỹ lưỡng các câu hỏi thường gặp trong phỏng vấn và luyện tập trả lời.

+ Chuẩn bị trang phục phù hợp, lịch sự.

- Trong khi phỏng vấn:

+ Tạo ấn tượng tốt ban đầu bằng cách mỉm cười, chào hỏi và bắt tay với người phỏng vấn.

+ Thể hiện sự tự tin, thoải mái và nhiệt tình trong suốt buổi phỏng vấn.

+ Lắng nghe cẩn thận câu hỏi của người phỏng vấn và trả lời một cách rõ ràng, súc tích và đầy đủ thông tin.

+ Tránh nói dối hoặc phóng đại sự thật.

+ Đặt câu hỏi cho người phỏng vấn để thể hiện sự am hiểu và quan tâm của bạn.

+ Cảm ơn người phỏng vấn đã dành thời gian cho bạn.

- Sau khi phỏng vấn cần đọc/ nghe kĩ lại nội dung phỏng vấn để biên tập nội dung phỏng vấn chính xác, đầy đủ.

**2. Hoạt động thảo luận về câu hỏi lớn của chủ điểm**

**a. Mục tiêu:** Trình bày ý kiến về câu hỏi lớn đầu bài học, qua đó hiểu thêm về chủ điểm Khát vọng công lí.

**b. Nội dung:** HS đọc và trả lời câu hỏi 6 trong phần *Ôn tập* để khắc sâu chủ đề bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về câu hỏi lớn của bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***B1. Giao nhiệm vụ học tập:***HS chia sẻ về câu hỏi 6 trong SGK: Qua các văn bản trong bài học này, em có nhận xét gì về khát vọng công lí và cách thể hiện khát vọng ấy trong truyện thơ Nôm và truyện cổ tích thần kì?

***B2. Thực hiện nhiệm vụ:***HS ghi kết quả trả lời → chia sẻ với bạn bên cạnh → trình bày câu trả lời trước lớp.

***B3. Báo cáo, thảo luận:*** 1-2 nhóm đôi trình bày; các HS khác nhận xét, bổ sung.

***B4. Kết luận, nhận định:***GV nhận xét, tổng kết câu trả lời của HS. GV khơi gợi để HS tiếp tục suy nghĩ về câu hỏi lớn sau khi kết thúc bài học, định hướng:

**\* Khát vọng công lý:**

- Là một trong những chủ đề quan trọng, xuyên suốt trong các tác phẩm Nôm và truyện cổ tích thần kỳ.

- Thể hiện mong muốn về một xã hội công bằng, tốt đẹp, nơi cái thiện chiến thắng cái ác, người tốt được hưởng hạnh phúc, kẻ ác bị trừng phạt.

- Xuất phát từ hiện thực xã hội bất công, áp bức, bóc lột trong xã hội phong kiến..

**\* Cách thể hiện khát vọng công lý:**

- Qua các nhân vật:

+ Nhân vật chính: thường là những người hiền lành, tốt bụng, chịu nhiều bất công, oan ức, nhưng vẫn kiên cường đấu tranh, cuối cùng được đền đáp xứng đáng.

+ Nhân vật phụ: góp phần tô đậm sự bất công, tàn ác của xã hội và vai trò của nhân vật chính trong cuộc đấu tranh cho công lý.

+ Nhân vật phản diện: đại diện cho cái ác, sự bất công, thường bị trừng phạt thích đáng.

- Qua các tình tiết, sự kiện:

+ Tình tiết gay cấn, hấp dẫn: thể hiện cuộc đấu tranh giữa thiện và ác, giữa công lý và bất công.

+ Sự kiện ly kỳ, huyền ảo: thể hiện niềm tin vào chiến thắng của cái thiện, công lý.

+ Kết thúc có hậu: thể hiện niềm tin vào một xã hội công bằng, tốt đẹp.

-  Qua các biện pháp nghệ thuật:

+ Ngôn ngữ: sử dụng nhiều từ ngữ có ý nghĩa ca ngợi cái thiện, phê phán cái ác.

+ Hình ảnh: sử dụng nhiều hình ảnh ẩn dụ, so sánh để thể hiện khát vọng công lý.

+ Âm điệu: sử dụng nhiều câu thơ hào hùng, sảng khoái để thể hiện niềm tin vào chiến thắng của cái thiện.

-  Ý nghĩa:

+ Thể hiện ước mơ, khát vọng của nhân dân về một xã hội công bằng, tốt đẹp.

+ Góp phần giáo dục đạo đức, rèn luyện phẩm chất tốt đẹp cho con người.

+ Có giá trị nhân đạo sâu sắc, trường tồn cùng thời gian.

------------------------🕮------------------------